

Wason
PL4380
AI
K4544

tuần báo văn học nghệ thuật • số 13, thứ năm 24-7-69 • giá 15 đồng

Khởi Hành

chủ nhiệm chủ bút: anh việt trần văn trọng • thư ký tòa soạn: viên linh



NGUYỄN HIỀN LÊ

NGHĨ VỀ VĂN HÓA

Nhà văn hóa Nguyễn Hiền Lê là một tác giả đã cung cấp cho ta nhất là thế hệ độc giả ở Bắc Lào những cuốn sách rất ích, những công trình soạn thảo về lịch sử công phu. Dưới ngòi bút thiện trọng của ông, lối viết trau chuốt, cuốn sách đã được hoàn tất, về nhiều lãnh vực, mà phần lớn là trong hai lãnh vực giáo dục, văn học. Ông làm việc bền bỉ, đều đặn, và tác phẩm của ông mang cái giá trị lâu dài, rõ rệt, ở ngoài những giải đoạn. Tuy bận rộn, ông vẫn gửi cho KH bài trả lời sau đây về cuộc phỏng vấn đã khởi sự từ số 9. Nguyễn Hiền Lê tác giả thứ tám, sau Nguyễn Sĩ Tế, Mặc Đỗ, Tam Ich, Nguyễn Văn Trung, Ngô Trọng Anh, Nguyễn Sa và Đỗ Quý Toàn đã hướng dẫn cuộc phỏng vấn này.

Tôi xin vẫn trả lời mấy câu hỏi của KH (1)

1. Có người hiểu danh từ Văn hóa theo một nghĩa rộng bao gồm mọi hoạt động của con người. Riêng tôi khi dùng danh từ đó thì chỉ cho nó một nghĩa hẹp, trở những hoạt động về tôn giáo, triết lý, giáo dục, chính trị, triết học, văn học, nghệ thuật, khoa học.

2. Trước nữa thì không có gì đáng kể, nhưng trong khoảng mười lăm năm nay, tư nhân chúng ta chịu hoạt động về văn hóa đầy. Trường học mọc ra rất nhiều, phẩm con kém nhưng lượng đáng kể đấy chứ. Sách báo ra cũng mỗi ngày một nhiều nhờ số học sinh mỗi ngày một tăng. Trong giới Phật giáo đã có vị đề nghị một chương trình hiện đại hóa, theo tôi, rất hợp lý. Bên Ki Tô giáo gần đây chúng ta cũng thấy nhiều vị có tinh thần khoáng đạt hơn hồi trước, hồi nhà Ngô đương mạnh. Các tôn giáo đã chú trọng tới các công việc xã hội hơn, tới chính trị, chiến tranh, tới tương lai của dân tộc, chứ không phải chỉ riêng của đạo mình. Về khoa học, chưa có gì tiến bộ, nhưng về văn học, nghệ thuật (điện ảnh, họa, nhiếp ảnh, nhạc) có tiến bộ đấy.

Xét chung hoạt động có vẻ lên xon, phần xấu lẫn phần tốt, nhiều người chỉ nghĩ tới việc ăn xoi ở thì, điều đó không sao tránh được trong hoàn cảnh chiến tranh; nhưng chúng ta phải nhận rằng trong mọi giới: chính trị, kinh doanh, sản xuất... chỉ có giới làm văn hóa xây dựng được chút gì, bằng những phương tiện rất khiêm tốn.

Làm sao có thể biết chắc được hết chiến tranh tình trạng văn hóa sẽ ra sao. Chúng ta chỉ có thể mong rằng nó tấn bộ hơn, phát triển mạnh hơn: Chương trình các trường học sẽ hợp lý hơn, sẽ đủ trường, đủ lớp, các tôn giáo sẽ đoàn kết với nhau, hoạt động mạnh trong các công việc xã hội hơn, bọn văn nhân nghệ sĩ sẽ nhắm vào việc phục vụ quần chúng hơn; các tác phẩm đời sống sẽ bị sa thải, sẽ có nhiều tác phẩm đứng đắn, dài hơi hơn, thâm thúy hơn, văn văn...

3. Tôi vẫn tiếp tục theo con đường tôi tự vạch cho tôi từ hai chục năm nay: biên khảo về Việt ngữ, về cổ học phương Đông, phổ biến những kiến thức mới của phương Tây mà tôi xét là có lợi cho thanh niên thời đại này.

4. Nhà nước hiện nay có chính sách văn hóa nào không? Hồ hào khai phóng thì không khai phóng, chỉ thắt chặt. Hồ hào «đề cao dân tộc» mà hề vạch những hậu quả tai hại của văn minh ngoại lai thì kêu là «động chạm». Chẳng còn ai hiểu gì cả. Ủy ban điện chế văn tự hai năm nay đã điện chế được mấy chữ? Vài năm đặt một vài giải thưởng, chưa thể gọi là một chính được. Còn xét những sách của các cơ quan giáo dục, văn hóa in, tôi chưa nhận ra một đường lối nào cả. Được ít cuốn có giá trị như dịch Kinh Thư của cụ Thẩm Quỳnh, dịch Kinh Thi của ông Tạ Quang Phát... còn nhiều cuốn tầm thường lắm mà vô ích nữa. Mà phương tiện nhiều chứ có ít đâu, nghe nói có năm tiền viện trợ đều không hết, phải trả lại! Một số người — tôi không nói là hết thấy — cơ hồ làm văn hóa vì danh, vì lợi chứ không phải vì yêu văn hóa. Và hình như cũng có đảng phái nữa.

Nhưng chúng ta cũng chẳng nên lấy làm lạ. Trong các nước dân chủ kiểu Tây phương, làm văn hóa theo nghĩa hẹp: viết sách là tư nhân, chứ không phải chính quyền. Chúng ta cứ lặng lẽ làm việc tùy phương tiện của mình, đừng nên trông cậy gì ở chính quyền hết.

(1) Bốn câu hỏi của KH:

- 1.— Ông cho biết ý kiến của Ông về danh từ Văn hóa?
- 2.— Ông nghĩ thế nào về tình trạng văn hóa Việt nam trong chiến tranh? Và sau này khi chiến tranh chấm dứt?
- 3.— Trong sinh hoạt tinh thần cá nhân hoặc với công việc đang đảm nhận trong lĩnh vực văn hóa — Ông có thể cho độc giả KHỞI HÀNH biết những gì Ông đang đeo đuổi?
- 4.— Ông vui lòng cho biết ý kiến về chính sách văn hóa của Nhà nước hiện nay?

nguyễn thị
thụy vũ

vẽ rây

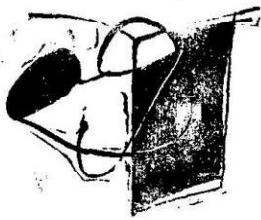
mai thảo

chuyên tàu

11 NHÀ VĂN PHÁP;
tôi viết văn
như thế nào?



XUẤT CẢNG
VĂN NGHỆ



Ký giả LÔ RĂNG

NGƯỜI VÀ VẬT

TỪ LỰC PHẠM DUY

Như đã nói trong bài trước, tôi có gặp Phạm Duy một tối mùa xuân năm 1947, khi kháng chiến mới bùng nổ, tại Việt Trì, một thành phố nhỏ nằm trên ngã ba sông Hồng — sông Lô. Việt Trì là quê hương của Lưu bách Thụ, tác giả « Con thuyền xa bến », Đêm trình diễn chính thức kết liễu trong điệu nghệ và tiếng hát « phù thủy » của kẻ du ca Phạm Duy. Phạm Duy theo ban kịch Giải Phóng mới từ Việt Bắc về. Tôi, một tên kháng chiến tài tử, đạp xe đạp cùng Văn Cao (bạn với 1 người anh họ tôi) từ khu 2 (Sơn Tây) tới. Trong ban kịch Giải Phóng lúc bấy giờ có một người đàn bà « định mệnh » của giới nhạc sĩ thời đó: Hoàng Oanh. Hoàng Oanh là một « người tình » của Hoàng Quý ở Hải Phòng, đồng thời cũng là « đầu đề sáng tác » của Văn Cao, cũng người Hải Phòng. Nghe nói rằng bà Bến Xuân (sau đổi là Đoàn Chim Việt) của Văn Cao là nhờ Hoàng Oanh mà thành. Văn Cao từ Sơn Tây, cấp tốc đạp xe sang Việt Trì có lẽ cũng vì nghe tin có Hoàng Oanh ở đấy.

Đêm trình diễn đã xong, nhưng « văn nghệ » thì vẫn chưa thấy « đã ». Bài Tương Chi, như một chiếc đầu tàu, dắt mọi người trở về với vùng trời lãng mạn. « Khô chủ » Lưu bách Thụ liền mời tôi 1 căn phòng nhỏ để uống cà phê và ăn cháo gà. Tất nhiên có Văn Cao, Phạm Duy, Hoàng Oanh, Mai Khanh, Thương Huyền... và một số người nữa. Cà phê nhấp giọng xong, một chương trình văn nghệ riêng bắt đầu. Đồng ca, đơn ca của những giọng hát nổi tiếng nhất thời bấy giờ. Nhưng đặc biệt trong buổi sinh hoạt nửa khuya này là bài Bến Xuân của Văn Cao. Như đã nói, bài này Văn Cao sáng tác vì Hoàng Oanh.

Bây giờ, gặp lại người xưa, Văn Cao liền cất cao giọng ngâm hai câu thơ dẫn nhạc « Chiều nay run rẩy tha đôi cánh — một cánh chim « xưa » đến lạc loài ». Đến đó, Phạm Duy liền vỗ đàn mà hát: « Nhà tôi, bên chiếc cầu soi nước, em đến tôi một lần, đôi cánh uàng cùng dệt dờ trên khắp bến xuân... » Trong căn phòng phở mờ mờ lúc nửa đêm về sáng, giọng hát Phạm Duy trong bài Bến Xuân như một thứ nước cường toan giở xuống vết thương còn mưng mủ của hai người tình cũ. Văn Cao cúi đầu... Hoàng Oanh thì run như chiếc lá... Mọi người xung quanh, như bị mê hoặc vì tình trạng đặc biệt, vì giọng hát Phạm Duy nên im lặng tuyệt vời. Một sự im lặng đầy ý nghĩa cảm thông và tán thưởng. Sau đó, mọi người mời Thương Huyền, Mai Khanh hát nữa, nhưng không người nào « dám » hát. Cho tới nay, đã hơn 20 năm trôi qua, tôi vẫn thấy là khi có được một bài hát, 1 ca sĩ làm rung động được lòng người đến tột.

Tôi về thành năm 1950. Phạm Duy về sau 1,2 năm gì đó. Phạm Duy được khắp nước biết tên, biết như một soạn giả tài năng và giàu có. Sáng tác của Phạm Duy có lẽ lên đến hàng ngàn bài. Tôi không đủ thẩm quyền cũng như không có ý nói về tính cách « soạn nhạc » của anh ở đây. Tôi chỉ lấy làm lạ rằng quá ít người biết đến Phạm Duy ca sĩ? Tôi có nói Phạm Duy là một giọng hát « phù thủy ». Giọng không tốt lắm, (rất nhiều giọng óc), ngân không tròn lắm, nhưng khi hát, cả con người, cả tiếng hát Phạm Duy phát ra một từ lực rất mạnh nó cảm giữ, nó thôi miên, nó huyền hoặc người nghe. Nhà văn, nhà thơ lớn là tạo cho mình một không khí riêng, một thế giới riêng. Ca sĩ lớn, theo ý tôi, cũng phải có một sức hút riêng, khi hát. Phạm Duy có cái bí nhiệm đó, nhưng tiếc thay, anh cất nó đi, hoặc là để dành làm một thú vui riêng, hoặc là quên nó đi, không dùng đến nữa.

Tối thứ ba 8-7 vừa qua, trong chương trình sinh hoạt văn học nghệ thuật, rất là hân hỷ, tôi lại được nghe, được xem Phạm Duy ôm đàn hát. Tóc anh đã bạc rồi, tiếng hát đã mòn rồi nhưng tôi vẫn nhận thấy một từ lực nồng nàn qua mái tóc ấy, qua tiếng hát ấy. Cái bí nhiệm của Phạm Duy vẫn còn, chưa hết. Từ sự kiện này, tôi mới nghĩ rằng: tại sao Maurice Chevalier đã hơn 70 tuổi, Charles Trenet, Tino Rossi, Georges Brassens, Frank Sinatra trên 50 tuổi, Yves Montand, Georges Beaud trên 40 tuổi những tài danh này còn hát như điên mà Phạm Duy đã với già từ tiếng hát?

Hãy tiếp tục hát lên, hồi tác giả « Con đường cái quan » mọi người muốn nghe các điệu dân ca của khắp 3 miền đất nước.

LÊ HÀ NAM

THỜI SỰ nghe thuật

NHƯ CÁNH LÁ KHÔ

Nhà Kỳ Nguyên đã cho phát hành trong tuần qua cuốn truyện dài mới nhất của nhà văn có sách bán thuộc vào loại chạy nhất hiện nay Nguyễn Vũ.

Cây bút chuyên viết về đời sống những người cầm súng vô danh, lần này đã vượt khỏi khoảng không gian quen thuộc, sở trường trên bằng một truyện dài viết về đời sống của một thiếu nữ trong thời chiến. Câu chuyện đã đưa người đọc đến mặt trái của đạo đức, của đời sống...

Bìa là một tác phẩm cộng phu của Nguyễn Trung.

CHIẾN TRANH VÀ TUỔI TRẺ TÂY PHƯƠNG

Cũng trong tuần qua, nhà Hồng Lĩnh đã cho phát hành cuốn Chiến Tranh và Tuổi Trẻ Tây Phương, nguyên bản của Jean Lartéguy, do Phạm Quốc Bảo dịch.

Đây là một tập tuyển những lá thư của các thanh niên Đức viết giữa khi đang tham chiến tại nước ngoài trong kỳ đệ nhị thế chiến. Tác giả của những lá thư cảm động này đều đã bị xử tử.

Nội dung tập sách đã như tên gọi của nó.

Ngoài ra, trong tuần tới, tuyển truyện Nhật Bản do Nhã Diên dịch cũng sẽ được phát hành tới tay bạn đọc.

PHÁT HÀNH THƠ NGUYỄN SA

Như tin đã loan, tuần này, Tủ hợp xuất bản Gió, đã cho phát

hành trong toàn quốc Thơ Nguyễn Sa tái bản, với bốn ấn bản đặc biệt và 4 phụ bản mỹ thuật.

Quý bạn yêu thơ Nguyễn Sa từ bao năm nay, hằng mong có được một tập thơ Nguyễn Sa với kỹ thuật in thật mỹ thuật, trang nhã để làm quà tặng, còn đợi gì không « bắt » ngay đi. Coi chừng chậm chân sẽ hết bởi số in rất hạn chế.

MỘT TẬP THƠ MỚI LÊN KHUÔN

Hà Nguyễn Thạch đang chuẩn bị cho lên khuôn cuốn thơ mới nhất, tên Lục Bát Hà Nguyễn Thạch.

Bìa sẽ do họa sĩ Hồ Thành Đức trông nom. Phụ bản của Nguyễn Trung, Trịnh Cung, Nguyễn Khai. Thơ có vẻ đang được mùa?

LẠI THƠ ĐANG IN

Thêm một tập thơ khác đang được in đó là cuốn Quê Hương Như Một Thánh Tích của nhà thơ Hằng Bảo Việt.

Quê Hương Như Một Thánh Tích nằm trong tủ sách Văn Uyên của cơ sở xuất bản Văn.

GIẤC NGỦ CÔ ĐƠN

Cây bút không quân Nguyễn đình Thiệu vừa cho phát hành cuốn truyện Giấc Ngủ Cô Đơn.

Giấc Ngủ Cô Đơn là một truyện dài đã đăng tải trên báo trước đây và do nhà Trí Dũng ấn hành.

ĐẶNG TRẦN HUÂN

GIAI THOẠI XUNG QUANH MỘT BỨC CHÂN DUNG

Báo Herald Tribune đăng tin bức chân dung Tổng Thống Johnson do họa sĩ Peter Hurd vẽ được coi như bức chân dung chính thức khi bức tranh được trưng bày tại Viện Bảo Tàng Quốc Gia Hoa Kỳ.

Ngược dòng thời gian, bức chân dung này đã gây nhiều sự bất bình giữa Tổng Thống Johnson người mẫu và Peter Hurd người vẽ.

Johnson và Hurd có nhiều điểm đáng thân nhau. Cùng quê ở miền Tây Nam Hoa Kỳ, cùng xuất thân

giữa



tòa soạn và bạn đọc

Cơ NHƯ KHUÊ Huế. — Đã gửi có 10 số KH từ 1 đến 10 nhận được hay không có vui lòng cho tôi biết tin.

ĐOÀN KHÁNH VĂN Cao Lãnh.

— Đã nhận được thư và thơ. Cảm ơn. Có gặp Nữ tại Tòa Soạn nên cũng biết sơ « Bành ky thóc » nghe lạ quá. Ráng gấp đôi lại chứ sao. Nữ gửi lời chia buồn đã chuyển thư chậm bởi bưu điện.

NG. UYÊN THƯỢNG. — Nếu in thơ được nên in toàn thể không

nên in riêng 1 thể thơ nào. Truyện ngắn viết khoảng 15 trang trở lại là vừa đẹp cho 1 tờ tuần báo.

Anh NG. P. LONG. — Đã nhận được. Dĩ nhiên sẽ đăng. Ít thấy gửi sáng tác?

Anh T. T. M. (Phan Thiết). — Đã nhận được đoàn văn của anh rồi.

THQ (Phước tuy). — Cảm ơn cảm tình của Thọ với K.H. Tòa soạn cũng thường ngắm lại những số báo đã ra, để gọi là rút ưu khuyết điểm. Rảnh rồi cứ viết thư nhé. Đang nghiên cứu việc tăng trang như Thọ đề nghị.

Anh TÔ QUÂN. — Rất tiếc Tòa soạn đã sơ sót khi trả lời anh. Công việc bận rộn, mong anh vui lòng thông cảm.

CƠ THUYẾT VÂN CHÂU (GD).

— Kể ra KH rất đồng ý với cô về vấn đề tăng trang. Ít trang, ít bài mới có thì giờ đọc kỹ được. Đồng ý lắm. Thật ra mọi đề tài đều như nhau, ngòi bút nào cũng tự do, không nên thắc mắc về đề tài đó. Đề tài nào cũng được hết, làm gì mà hợp với không

là trại chủ, cùng yêu say đắm khung trời phiêu lưu miền Viễn Tây. Năm 1964 Hurd và vợ là Henriette được ủy thác vẽ chân dung ông Johnson cho bìa báo Time số ra ngày 1-1-1965. Trong khi làm mẫu cho hai vợ chồng họa sĩ, Tổng Thống Johnson vui vẻ hoạt bát, chuyện trò luôn miệng. Ít lâu sau, Ông mời vợ chồng Peter Hurd về tòa Bạch Ốc chỉ một bức tranh của Hurd treo trên đầu giường mà ông cho là phong cảnh miền Texas. Hurd cãi:

—Thưa Tổng Thống đó là miền Tân Mexico.

Ông Johnson hơi cụt hứng đáp lại.
— Không sao, với tôi vẫn giống miền Texas.

Tờ Time ấn hành với chân dung Johnson (người của năm 1964.) Nhưng vị. Tổng thống Mỹ tỏ ý không ưa bức tranh đó. Ông chê vai ông hơi dài và mắt lé. Họa sĩ thì nói rằng vẽ như vậy để diễn tả cặp mắt nhắm lại tìm tòi điển hình của người miền Nam trước ánh nắng chói chan.

Tháng năm 1965, trong một cuộc tiếp tân tại tòa Bạch Ốc, Tổng Thống Johnson giới thiệu Huerd với Tổng Thống Phác chánh Hy:

— Đây là ông bạn thân của tôi ông sẽ vẽ chân dung tôi.

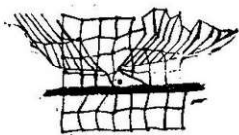
Ít lâu sau, ban Sử học Phủ Tổng Thống gửi thư chính thức đề nghị Peter Hurd làm công việc đó với giá 6000 đô la, bằng nửa giá thường lệ.

Lần đầu ông Johnson đã ngồi làm mẫu cho Peter Hurd tại trại David trong vòng nửa giờ. Lần thứ hai họa sĩ quan sát các cử động của Tổng Thống trong vòng 40 phút trong một bữa ăn trưa ở Texas.

Theo thường lệ, muốn thực hiện một bức chân dung, Hurd đòi hỏi mỗi người phải làm mẫu cho cho họa sĩ ít nhất 30 tiếng đồng hồ. Nhưng với ông Johnson thì thật khó. nên Hurd đã phải sử dụng thêm 8 bức ảnh của Tổng Thống Johnson và nhờ một người bạn là J.O. Payne từ xa 200 cây số tới ngồi làm mẫu vì ông này trông giống Tổng Thống Hoa Kỳ.

Sau 400 giờ miệt mài làm việc (số giờ nhiều gấp 5 lần thường lệ) Peter Hurd hoàn thành bức tranh:

TÚ KÊU



! RÍCH TIỀN VÀ TIỀN NỮ

Quây ít thơ nôm bán chợ trời
Có nàng trinh nữ mới tình khôi
Đẹp như em nguyệt trong cung cấm
Nghe nói bèn ra đầu chuyên chơi!

Thấy em vảy ngón diện ngang hông
Phở cấp dò cao, đùi trắng hồng
Ta bỗng sồn sang, lòng muốn tẩn
Sợ trời lại quở: « cái thằng ngồng »!

Bụng, ngực em đầy hoa « híp pi »
Những hoa to, nhỏ, « mốt » ra gì!
Tóc mây ngắn cũn như tiên đực
Mắt liếc đa tình, cong lòng mi

Ta bắt người lên, mặt ngân ngơ
Vỡ vai nàng hỏi: « anh bán thơ ?

Thơ anh, thành thực em chưa nếm
Mời người mời thôi đã sồn sò »!

— « Đồng ý, thơ anh sắc mẫm tẩm,
Gia tài phong phú của văn nôm!
Em dùng chưa được, chưa quen miệng
Hãy vắt thêm chanh cho nó thơm »!

— « Anh ơi, Hạ giới món văn chương
Nghe nói hình như phải chằm tròng!
Nếu để ăn không, mồm nhạt thếch
Như bèo trộm cám, bỏ ai thương !

Mà phải trần gian anh trích tiên ? ?
Suốt ngày thơ rượu mộng tiên miền ?
Khi xưa chắc hẳn trên tiên giới
Anh phạm điều cấm mới lụy phiền ! »

— « Thôi em, quá khứ nhắc làm chi
Anh bị dây dây cũng chỉ vì
Đã chót lên dóm tiên nữ... tẩm
Trời già hắt gập, dưới ngay đi!

Còn món văn chương dưới cõi trần
Chẳng qua làm bân để nuôi thân!
Làm nhiều ế ẩm, tiêu không hết
Đành quây lên dây bót một phần.

Em hãy rửa giùm một mớ coi
Cam đoan già giận, sạch mùi hôi
Vớ em bán rẻ, đồng hai mớ
Lấy học đem về uống rượu chơi !... »

Tổng Thống Mỹ với bối cảnh là điện Capital.

Lúc bức tranh gần xong, vợ chồng Hurd được mời tới trang trại của Tổng Thống Johnson. Hurd bức bức tranh thật kỹ lưỡng gửi trước tới trang trại của Tổng Thống Mỹ, bằng chuyển xe tốc hành. Nhưng khi hai vợ chồng họa sĩ tới thì bức tranh đang dở nay đã bị mở tung ra. Không khí trong phòng khách nặng nề. Và câu nói đầu tiên của Tổng Thống Johnson phê bình bức tranh là:

— Tôi chưa bao giờ thấy một cái gì xấu như bức tranh này.

Hurd yêu cầu được phê bình chi tiết thì Tổng Thống Mỹ lấy ra một bức chân dung của ông do Norman Rockwell vẽ. Khi Hurd nói rằng ông cũng có thể trông vào ảnh để vẽ một bức chân dung như thế, thì Tổng thống Johnson nói rằng không phải Rockwell vẽ theo ảnh vì chính ông ngồi làm mẫu trong 30 phút.

Hurd phản ứng: — « Dù Rockwell có ngân tay cũng không thể vẽ tranh đó trong nửa giờ ». Không khí trong

phòng nặng nề, không ai nói với ai. Lát sau Peter Hurd kéo vợ ra về.

Vài tuần sau, bà Johnson tới thăm vợ chồng Peter Hurd và tỏ ý hối tiếc về câu chuyện trước. Bà nói rằng Tổng Thống không ưng điện Capitol ở bối cảnh vì sáng quá và yêu cầu họa sĩ sửa lại cho có chút sương mù. Peter Hurd từ chối.

Bức tranh chân dung gần xong của Tổng thống Johnson được gửi trả về cho Hurd. Trong khi đó, bà Johnson đưa ra một tấm hình của chồng yêu cầu Hurd theo đó vẽ một bức chân dung cỡ nhỏ. Hurd chế bức hình tầm thường, treo đầy dây ở các công sở, nên không thấy hứng để vẽ. Và ông tiếp tục hoàn thành bức chân dung lớn rồi lại gửi lên Hoa Thịnh Đốn. Vài tháng sau Ban Sử Học Phủ Tổng Thống gửi thư báo cho Hurd biết bức tranh của ông không được chọn làm chân dung chính thức của Tổng thống vì quá lớn. Một chi phiếu 6000 đô la được gửi tới trả công, nhưng Hurd gửi hoàn trả lại Phủ Tổng Thống.

Peter Hurd nói với bạn bè: « Tôi làm việc bỏ hơi tai, mà Tổng Thống không quan niệm gì về sự vất vả của một nghệ sĩ. Tôi biết nhiều người ghét Tổng Thống lắm. Riêng tôi, tôi không ở trong số những người đó. »

Thời gian qua đi! Bức tranh xấu nhất được đem bán. Viện Bảo Tàng Quốc Gia Hoa Kỳ thấy hay hay hỏi mua. Peter Hurd, chủ nhân nó, không lấy tiền mà tặng Bảo Tàng Viện để xung vào tài sản nghệ thuật của quốc gia. Bức tranh trở nên bức chân dung chính thức của vị Tổng Thống thứ 36 của Hoa Kỳ.

Bây giờ ông Johnson chỉ là một công dân. Peter Hurd vẫn là một nghệ sĩ. Hai công dân miền cao bồi Texas đã hòa nhau chưa, không thấy tờ Herald Tribune nói tới chi tiết đó.

hợp? Thơ cô sẽ đăng trong một số tới. Không dám gọi như cô đề nghị. Cảm ơn là thư.

Ông GIANG HỒ.— Sẽ đăng bài « Chối Từ » của ông. Cảm ơn là thư của ông. Ông cứ gửi cho những sáng tác khác.

Anh VÕ TẤN KHANH (Phan Rang).— Đã cho gửi tới anh KH các gổ 1,2,3. Sẽ đăng 1 bài thơ anh. Cảm ơn cảm tình của anh đối với tờ báo.

CÔ VÂN DUNG.— Từ số 11, KH đã dành đất cho các bạn, chắc bạn đã thấy rồi.

NGÀ MIÊN DŨ. (QN).— Đã nhận được. Đang chờ « Thực Hiện ». Nếu tôi có thể làm được gì?...

NGUYỄN MIÊN THẢO. (QT).— Vẫn nhớ. Đang đọc cái đoạn văn. Làm hay hơn vẫn là điều mong mỏi của KH.

NG. P. CHINH (ĐN).— Đang đọc « Hoa Cúc Vàng » Chúc chóng bình phục.

PHAN THẢO VY. (QN).— Nhờ anh em ngoài đó lưu ý cho về tình trạng phát hành tờ KH. Ở Saigon báo giao cho nhà phát hành sáng thứ tư, làm sao có thể đến muộn như thế được? Cũng có nhiều nơi, ngoài Phú Cát, Bình Định, không có báo. Chỉ khi các sập báo yêu cầu lấy thêm trong này nhà phát hành mới gửi ra.

Anh TRẦN KHA (Võ Bị Đà Lạt).— Tòa soạn gửi lời cảm ơn sự khen ngợi của anh. Nếu được các cây bút trường Võ Bị viết thì quý báu lắm. Mong anh cứ tiếp tục gửi bài về. Thơ anh sẽ đăng trong một số tới.

Anh TRƯƠNG NGỌC TRYNH.— Tôi có đọc anh lâu rồi. KH. đề cập liên tiếp cái sở dĩ chưa ăn thua gì. Rất mong các anh viết cho từ những thực tại đang sống. Phương tiện tờ báo eo hẹp, khi muốn bài có nhuận bút, người viết nên đề: có nhuận bút. Thơ anh đang đọc. Rảnh anh cứ ghé Tòa Soạn chơi.

Anh PHÙNG X. MAI.— Rất tiếc anh ghé Tòa Soạn lại không được gặp. Tôi ở đây thường lắm. Cũng hy vọng KH. bán chạy như anh biết. Sẽ chuyển lời hỏi thăm của anh tới nhà văn Thanh Tâm Tuyền.

PHƯƠNG THUY.— Cảm ơn lá thư cảm tình đối với tờ báo. Nói lời thăm thì ai và nghe được. Thi xong, nhớ viết nhiều hơn. Đang đọc là thư ấy.

NHUỘC THU. (PT).— Đọc đi đọc lại một bài viết là điều rất nên. Tôi vẫn đọc văn người khác và ghi chép. Ý Uyên đẹp lắm. Khi có dịp. KH. sẽ có những số nói về những nhà văn quá cố.

Về 2 câu em hỏi, khó trả lời. Thơ dễ làm nhất là thơ có vần điệu sẵn (bảy chữ, lục bát...) Thơ khó làm nhất là thơ tự do. Câu hỏi sau không trả lời được. Đã gửi lời hỏi thăm của em cho anh Hoàng Ngọc Liên:

XEM TIẾP TRANG 16

Khởi Hành

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ NĂM • GIẤY PHÉP
XUẤT BẢN SỐ 3581BTIBC, NGÀY
26.3.69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ
225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON •
ĐT: 25.863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút
ANH VIỆT
TRẦN VĂN TRỌNG

Thư ký Tòa soạn
VIÊN LINH

Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÔ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH
THẠCH • HOÀNG NGỌC LIÊN
HY VÂN • ĐẶNG TRẦN HUÂN
NGUYỄN HỮU THÔNG

Minh Họa
NGUYỄN HỮU NHẬT

Trình bày
VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu xin đề tên
Chủ Nhiệm • Bài vở xin đề tên
Thư ký Tòa Soạn • Giá 15đ. mỗi
số • Cộng số giá gấp đôi.

Bài vở gửi cho Khởi Hành xin miễn
gửi cho báo khác, và ngược lại •
Tòa soạn không trả lại bản thảo nếu
không có lời yêu cầu.



1 9 6 9



NGÀY 12-7

Một người da trắng bước vào Tòa Soạn Khởi Hành, theo sau ông ta là một người Việt, nhiều tuổi. Người da trắng, ông Olivier Todd, được giới thiệu là phóng viên Hãng BBC tại Saigon, và người kia là nhân viên Giao tế của Nha Báo Chí.

Ông Todd ngỡ ý muốn quay phim sinh hoạt của một tờ báo văn nghệ. Khi tôi nói đây là tờ Tuần Báo Văn Nghệ duy nhất ở V.N, ý muốn của ông ta càng mạnh mẽ hơn. Tôi từ chối.

Thật ra, tôi cũng muốn tờ báo mình được đem lên màn ảnh, dù là màn ảnh V.T.T.H, và dù là một màn ảnh ở Anh, nơi rất ít Việt Kiều. Nhưng, cái Tòa Soạn tờ Khởi Hành nó thì thâm lắm.

Tựa vào bàn, tôi chỉ quang cảnh tòa soạn cho ông Todd để viện dẫn lý do vì sao tôi từ chối. Song chính cái quang cảnh xơ xài, xơ xác đó, lại càng làm cái ý muốn quay phim của một phóng viên mạnh mẽ hơn. Ông Olivier Todd nài nỉ, và người V.N đi theo ông nói vào. Cuối cùng tôi hẹn ông nửa tiếng nữa quay lại.

Việc đầu tiên của tôi là gọi điện thoại cho anh em trong Tòa Soạn. Các anh đều làm việc ở các nơi khác trong đơn vị. Trong khi ấy Tòa Soạn được thu dọn, sách vở được sắp xếp lại. Nửa tiếng sau chúng tôi có năm người, trong có họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật.

Ông Todd quay lại với ba người khác, trong có một thiếu nữ. Người phóng viên đài BBC giới thiệu chúng tôi với nhau. Cô Lydia Howard, Giám đốc đoàn BBC ở V.N, ông Derek Banks, quay phim và ông Derek Medus, kỹ sư âm thanh.

Cameraman, ông Banks có bộ râu quai nón.

Ông vác cái máy quay phim và đèn đèn nhỏ. Cô Lydia đứng chống nạnh, chỉ chỗ, ra dáng một người xếp. Trong khi ấy, ông Todd hỏi tôi vài câu về tờ báo. Báo in bao nhiêu số. Báo của ai. Báo gồm những ai viết. Tôi nói hết sự thật. Báo in chưa được 10.000 số. Báo của những người làm văn nghệ trong Quân Đội. Nhưng tờ báo qui tụ hầu hết những người cầm bút ở V.N. Hầu hết, tôi thân thiện với ông Todd như vậy. Hầu hết.

Trước khi đoàn BBC ra về, người VN hướng dẫn cho tôi biết Olivier Todd còn viết cho tờ *Nouvel Observateur*. Tôi tỏ thẳng ông Todd hỏi lại. Ông gật đầu xác nhận và thêm: "tôi tới đây với tư cách phóng viên đài BBC". Ông lại lấy giấy ra viết điều đó. Tôi hiểu vì sao ông Todd lại phải kỹ càng như vậy: *Người Quan Sát Mới* là một tờ báo thiên tả vẫn bị cấm ở V.N, và Todd từng ở Hanoi, viết những bài có lợi cho Hanoi.

Olivier Todd hỏi lại tờ báo này làm cho Quân Đội phải không? (Pour l'armée?). Tôi bảo không. Tờ báo do Hội Văn Nghệ Sĩ QĐ quản trị, nhưng làm cho tất cả mọi người. Tất cả mọi người, những người yêu văn nghệ ở Việt Nam. Đó cũng là điều mà tôi muốn được xác nhận lại, ở đây.

Trước khi đoàn BBC hoàn tất công việc, họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật đã hoàn thành bản caricature cô Lydia Howard. Anh vẽ trộm, vẽ trong khi cô chỉ huy các nhân viên của cô.

Và cô Lydia cho chúng tôi địa chỉ, bảo nếu muốn lấy ngay vài tấm hình rút ra từ cuốn phim của ông Banks, có thể tới lấy.

NGÀY 15-7

Tôi đã hai lần, trong hai ngày liên tiếp, đi coi phim *Le Train* của John Frankenheimer và Bernard Farrel. Lần sau với Cung Tích Biền. Đây là một phim hiếm thấy trên màn bạc Saigon.

Le Train được coi là một trong những phim cổ điển và hào hùng nhất lấy cảm hứng từ chiến tranh. Phim thuật lại cuộc chiến đấu (không bằng súng đạn mà bằng khả năng chuyên môn, bằng lòng ái quốc) của một nhóm kháng chiến quân Pháp trong những ngày cuối cùng Ba Lê còn bị Quân Đức chiếm đóng. Một Đại tá Đức say mê tranh, chất những tác phẩm của Lautrec, Chagall, Degas, Picasso... lên một con tàu định chở về Đức. Nhóm quân kháng chiến chiến đấu đến người cuối cùng để giữ con tàu lại. Họ chết 18 người và người thứ 19, Burt Lancaster, thành công.

Trong đoạn kết của cuốn phim, quân thù không còn là quân thù. Viên Đại Tá Đức trước khi đi dưới băng đạn của người phụ xếp ga (Burt Lancaster) khinh bỉ báo anh ta: "mày là một tên thối bại, mày có biết mày chiến đấu để làm gì không? Chỉ có tao hay những người như tao mới biết những tấm tranh này. Ở gần nó, tao xúc động... Anh xếp ga quay nhìn xác chết đồng bạn, và nỗi sợ hãi..."

Cung Tích Biền cười hắc hắc nói: "Phải mở ông dân biểu ăn cắp tượng Chàm đi coi. Nếu biết nhà hắn ở đâu, tôi sẽ mua giấy gửi tới."



THỨ BẢY 19-7

Tôi lại có dịp nói đến vấn đề ngôn ngữ và tác phẩm văn chương, thứ ngôn ngữ nhai nhai tác phẩm chữ viết, nhân một người bạn tôi thăm Người bạn tôi, anh Nguyễn Nhật Duật, nhân dịp này, nhắc đến trường phái Duy Nhiên trong văn nghệ. Từ cực này sang cực kia, đó là cái vụ chuyển rất bình thường của sinh hoạt con người. Ngày nay có những nhà văn ôm sách của Roland Barthes như tin đồn Kinh Thánh, và tôn thờ Ngôn Ngữ như một Tuyệt Đối. Ngôn Ngữ là cái đỉnh trời viễn vọng, tác phẩm văn chương, đó đó, chỉ là một hành trình. Một hành trình không bao giờ hoàn tất, một hành trình theo Kim Ch Nam, một hành trình phiêu lưu về phía đã định.

Ngôn Ngữ, trong cuộc hành trình này, là một khu rừng. Cuộc hành trình này, cuối cùng mất dấu. Cuối cùng gặp khu rừng: Ngôn ngữ gặp ngôn ngữ, đắm mình trong hình ảnh nó, và chết trong hình ảnh nó. Tự như chàng Nareisse tự ngấm dung nhan mình dưới một gion sông, đắm mình trong hình ảnh mình, và mất mạng trong hình ảnh đó. Đó là bước đường tắt tới củ những tác phẩm văn chương mê đắm trong chữ viết.

Thế nhưng, ở Saigon, thứ văn mới ấy lại đang muốn là một trào lưu. Thứ Ngôn Ngữ muốn chọn mình làm cứu cánh, thật ra, chỉ là một lớp hồ củ chủ trương Nghệ Thuật vị Nghệ Thuật. Đời sống tách rời — đồng ý văn chương không phải là máy nhin chụp đời sống cũng không phải thứ gì khác mô phỏng đời sống để đi đến Duy Nhiên chủ nghĩa — cũng cũ mèm, — nhưng tách rời đời sống, rút vào cái nhin, văn chương nghệ thuật trở thành một chỗ dừng chân vĩnh viễn.

Chỗ dừng chân vĩnh viễn, nơi những phút giây bất loạn vì ám ảnh chặn tường vì mặc cảm tiến b xứ người, tôi vẫn muốn được ngã lưng nằm xuống để được mơ ảo huy hoàng hôm nay tôi đang đứng ở nơi rục rịch nhất của thế giới.



MỘT ĐOẠN VĂN CỦA PIERRE LOUYS

những cánh hồng trong đêm

Khi đêm phủ lên bầu trời, thế giới thuộc về chúng tôi, và thuộc về những thần linh. Chúng tôi đi từ những cánh đồng đến con suối, từ những khu rừng u tối đến các rừng thưa, mặc đôi chân không dẫn đến đâu chúng tôi đi đến đấy.

Những vì sao nhỏ lấp lánh đủ soi sáng những bóng nhỏ là chúng tôi. Đôi khi dưới những cánh lá thấp, chúng tôi thấy những cô nai cái nằm mơ màng.

Nhưng đẹp hơn hết mọi vật vào buổi ban đêm, có một nơi mà chỉ chúng tôi mới biết được và vẫn lờ lững chúng tôi qua giữa cánh đồng: đó là một bụi hoa hồng huyền bí.

Bởi vì trên trái đất này không gì thần linh ngang hàng với mùi hương của hoa hồng trong đêm. Thế thì làm sao thời còn ở một mình tôi đã không cảm thấy ngất ngây.



trăng mắt xanh

Đêm đến, những mái tóc đàn bà và những cánh liêu lẩn vào nhau. Tôi bước đi theo bờ nước. Bất chợt, tôi nghe có tiếng hát: chỉ đến lúc đó tôi mới nhận ra là có những thiếu nữ ở quanh đây.

Tôi hỏi họ: "Các chị hát gì thế?" Họ trả lời: "Chúng tôi ngợi ca những người trở về." Có này đợi cha và có kia thì đợi anh; nhưng có đợi vị hôn phu của mình mới là người nồng lòng nhất.

Các cô đã kết cho họ những vòng hoa và những tràng hoa, đã cắt những chiếc lá tượng trưng chiến thắng trên các cành thốt nốt và ngắt hoa sen trên mặt nước. Họ ôm cô nhau và lẫn lộn hát.

Tôi đi dọc theo bờ sông, buồn bã, và cô đơn, nhưng khi nhìn chung quanh tôi, tôi thấy được đằng sau những vòm cây lớn mặt trăng mắt xanh đang dần tiến bước tới đi.

bản dịch HOÀNG NGỌC BIÊN

Roses dans la nuit — Le lune aux yeux bleus — LES CHANSONS DE BILITIS

trang châu



TÌNH CẢM

Khi em về hong dáng sầu trong nắng
Nghe gót buồn con phố cũng đau hùi
Anh cũng ngậm ngùi với mắt trông theo
Lòng mây xám bỗng mưa giăng thành lệ

Người vẫn song đôi nhưng tình đã lẻ
Đời trôi neo nhưng hồn vẫn căng buồm
Anh như con tàu khát sóng đại dương
Em từ ngục muốn tung xiềng bốn phận

Len lén tìm nhau đôi môi trái cấm
Hai vòng tay ghì chặt ẩn trong tim
Sau phút mãn nồng em chợt ưu phiền
Anh hạnh phúc thốt cảm lời hối hận

Cứ để niềm vui đau thương trộn lẫn
Nghìn đăm do từng thoáng nhớ bằng khuôn
Khi tình hồng len trái chín ăn năn
Em khẽ hái trao anh mảnh tội lỗi

TRÊN THÂN THỂ ĐÓ

Một ngày anh tìm em trao gởi
Thề xác này một đời chiến tranh
Không còn con tim không còn khối óc
Xin em dùng nó để làm tình

Đôi tay này đã đảo hoan hô
Cầm súng giết người đã chán
Anh dùng nó ôm em
Đề từ mình còn lẽ sống

Úp mặt vào ngực tóc mướt chín
Gối đầu lên cánh tay ba mươi
Chúng mình tìm kiếm gì nhau:
Tình yêu? thú vui? hay quên lãng?

Có bao giờ em hiểu được lý do
Anh đánh mất quê hương
Nên chạy trốn hận thù
Trên thân thể đó?

CHO NGƯỜI HỎI THĂM

Tôi ở đồn xa
Không có tình yêu
Em bao giờ biết tới
Trăm lần cách trở
Không bằng nhớ thương
Em làm sao đến được

Đừng hỏi tôi, tôi buồn hay tôi vui
Đừng hỏi tôi mùa xuân hay mùa thu
Thời gian nơi đây là vô nghĩa
Lòng người nơi đây là con số không
Đừng hỏi tôi tương lai
Khi trước mặt chiến tranh còn đó
Khi sau lưng tình yêu mất rồi

Tôi sống như một loài cỏ khô
Cháy nắng hận thù
Tuổi trẻ tàn nhanh như con sóng
Tôi bay giờ ước vọng
Lớn không bằng nửa lỗ châu mai
Cao không hơn một chồng bao cát
Xa không quá hai hàng kẽm gai

TÔI VIẾT VĂN NHƯ THẾ NÀO?

Trong số 12, KH đã đăng tải bài trả lời của sáu nhà văn Pháp trước cuộc phỏng vấn của Ursula Zentsch. Các nhà văn Troyat, Darc Druon, Sarraute, Simenon và des Cars đã trình bày cùng độc giả tạp chí Constellation kinh nghiệm và thói tật của họ khi ngồi trước bàn viết. Bài phỏng vấn kỳ này được tiếp tục với năm tác giả khác: Jouhandeau, Mandiargues, Peyrefitte, Bazin, và Mallet.—Joris.

ANDRÉ PIEYRE DE MANDIARGUES

— Tôi làm việc hết sức là chậm trễ, trong mọi trường hợp đều không dễ dàng. Có lẽ vì tôi cận thị nên trước trang giấy trắng tôi cũng nhìn gần. Tôi rất ít sửa chữa bản thảo. Điều này không làm mấy nhà xuất bản được hài lòng. Nói cách khác tôi không phải là một nhà văn viết nhanh.

— Có lẽ vì ông không viết bằng máy chữ?

— Không phải chỉ vì tôi không dùng máy chữ để viết, mà vì tôi không có máy chữ. Người Ý, người Bắc Âu, người Mỹ thay chuyện viết tay là khác thường, nhưng ở Pháp không có gì lạ. Thi sĩ Aluard luôn luôn viết tay, Jean Paulhan cũng vậy, và René Char cũng thế. Thường thường tôi gửi tới các tòa báo bản viết tay của tôi. Chữ tôi khá đẹp mà. Không gì ghét bằng một bản đánh máy dở.

— Ông viết loại bút gì?

— Cái đó không quan trọng. Trước kia tôi dùng bút máy. Bây giờ bút nguyên tử.

— Đen hay màu?

— Cả đen lẫn màu. Cái gì thường thì tôi viết bút đen, nhưng khi chép thơ tôi dùng một bút BIC xanh hoặc đỏ, tùy hứng. Nhiều bản tôi thấy rất đẹp.

— Ông dùng một loại giấy đặc biệt?

— Vì có cặp mắt yếu, để mỗi một nền nếu phải viết lâu, tôi chỉ có thể dùng giấy màu xanh. Cô biết màu xanh làm dịu con mắt. Colette đã nói thế. Tôi cũng thường viết trên những tập vở nhỏ mà tôi mua trong những tiệm sách Tây Ban Nha. Tập này là do Valéry Larbaud.

— Ông làm việc trong những giờ phút nhất định.

— Chỉ sau buổi trưa. Cơm xong, tôi ngủ một giấc ngắn, thức dậy uống ba hoặc bốn ly trà đậm, một thứ ma túy rất vô hại.

— Ông còn những thói quen nào khác?

— Không. Không có gì đặc biệt. Họa sĩ Dali khi vẽ có khi dính một miếng giấy trắng trên mũi. Về phần tôi, tôi thú thực mình chỉ là một cá nhân rất tầm thường. Thí dụ trên bàn bàn tôi lúc nào cũng có một cuốn tự điển Littré.

— Ông viết trong khi nghe nhạc?

— Không. Tôi thích nhạc, nhưng không thích khi làm việc. Tuy nhiên tiếng động lại không gây khó chịu khi tôi viết. Khi tôi còn ở ngôi nhà cũ, dưới sân bàn viết của tôi là một nhà sản xuất phong bì. Họ gây tiếng động thường xuyên, nghe tựa tiếng một con tàu cũ đi biển lớn. Tôi có thể nói tiếng động đó giúp tôi để làm việc và khi họ dọn nhà, tôi thấy thiếu một cái gì.

MARCEL JOUHANDEAU

— Máy chữ? Không, tôi sợ thứ đó. Tôi thích thứ bút chấm mực. Khác với Léauteaud viết bằng thứ bút lông ngỗng, tôi thấy cái đó khá quá. Tôi luôn luôn có hai cái, cái này hỏng thì có cái kia thay thế. Như cô biết, tôi không hoàn toàn là một tiểu thuyết gia. Không bao giờ tôi ngồi vào bàn viết với ý nghĩ viết một cuốn sách. Tôi viết ở bất cứ đâu, trong đường hầm xe điện, bên lề một con đường. Tôi ngồi trên một bờ đê, một băng ghế, một bức tường và ghi chú. Cuộc đời tất cả đối với tôi đều thích thú. Một khuôn mặt đặc biệt nào đó. Luôn luôn tôi đặt mình trong tình trạng báo

đỡ. Phải thế không? Những gì tôi làm là quan sát, thu thập tài liệu về mọi hạng người. Con mồi của tôi, tùy từng hạng, là đàn ông hay đàn bà mà tôi bắt gặp quả tang đang làm gì đó, nhân bản hay phi nhân.

— Ông ghi chú trên những cuốn sổ tay?

— Vâng, và những miếng giấy cùng khuôn khổ. Tôi đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần khi sắp xếp chúng.

— Ông làm việc có theo một giờ giấc nào không?

— Không. Hoàn toàn không. Có khi tôi viết vào lúc 2 giờ sáng. Tôi trở dậy viết bất cứ lúc nào nếu có một điều gì chợt đến trong mơ.

— Mỗi ngày ông viết bao nhiêu trang?

— Tôi không đếm. Chắc chắn là tôi viết rất nhiều, nhưng tôi không ngừng lại được dù chỉ để thở. Tuy nhiên có khi hàng tuần tôi không viết được một giờ nào. Song nếu tôi bị Con quỷ viết lách nắm được, tôi viết không ngừng. Cuốn sổ tay mà cô thấy đây, vừa vận bỏ túi được, là cuốn thứ 142 trong vòng 2 năm.

— Ông có hay sửa lại câu văn viết ra không?

— Nhiều lắm. Tôi tự đòi hỏi phải khắc khe. Trong cái công việc nhìn lại, phải có sự lo lắng thường trực về cái gì gọi là hoàn hảo, nhưng cũng không để tác phẩm mất đi cái vẻ mong manh của nó. Đòi hỏi quá người ta có thể phá hủy hết.

— Khi viết ông có cần một điều gì đặc biệt để hỗ trợ không?

— Nhạc. Không thể thiếu được.

— Loại nhạc nào?

— Thường thường là nhạc tôn giáo. Đối với tôi âm nhạc như lời cầu nguyện phải thật hồn nhiên. Khi viết lách làm tôi quá kích động âm nhạc làm tôi thành thoi.

HERVÉ BAZIN

— Rất nhiều nhà văn viết đứng vì những lý do khác nhau. Tôi, tôi bị thương ở xương sống trong một tai nạn xe hơi, không thể ngồi lâu hơn nửa tiếng đồng hồ, một giờ. Vì thế tôi bắt buộc phải đứng mà viết.

— Bao nhiêu giờ mỗi ngày?

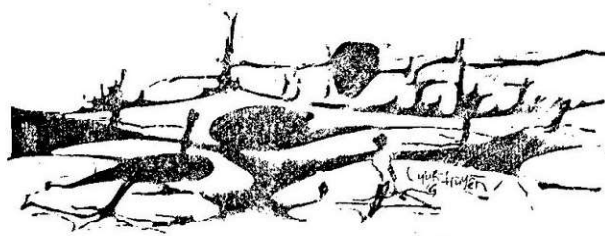
— Rất thay đổi: 10, 15, 18 giờ khi tôi đang đã sáng tạo. Tôi không thể trong ba tháng mà không làm gì. Một cách tổng quát, mỗi cuốn sách được hoàn tất trong ba giai đoạn mới đầu là thai nghén, có thể dài hay ngắn không chừng, như cuốn *Vipère au poing* thời gian thai nghén kéo dài 20 năm, nhưng khi viết, chỉ có 45 ngày là xong. Tôi thu góp tài liệu lần hồi và ý tưởng đến. Có khi một nửa, có thể là ba phần tư không mang lại chút gì. Và rồi một ngày kia tôi cảm thấy sức ép trời lên, như trong một cái máy hơi nước, và tôi bước vào giai đoạn hai, là giai đoạn làm việc. Thật là khó khăn để mở chốt. Phải có thời gian để mở máy, nhưng tôi mở hết, tôi làm việc cả ban đêm.

Tôi cho gắn trên cây cột trong căn phòng tôi một ngọn đèn thật thấp soi thẳng vào cuốn sổ và bút để không làm vệt tôi thức dậy. Tôi ngủ ở đầu ngoài, và khi một ý tưởng đến, tôi chỉ việc dựa vào cây cột, bật đèn, ghi chép và ngủ lại. Nếu người ta bỏ qua một ý tưởng đến trong đêm tối, người ta sẽ mất luôn ý tưởng ấy.

— Còn giai đoạn thứ ba?

(XEM TIẾP TRANG 12)

<https://tieulun.hopto.org>



DƯỚI CHÂN TRƯỞNG SƠN

KHOẢNG chín giờ sáng, toán trinh sát chúng tôi âm thầm tiến vào khu vực quận Đại Lộc Quảng Nam. Mặt trời đã lên cao. Con bóng trải dưới chân tôi thu ngắn hơn. Nâng bắt đầu hắt những tia lửa rất và bóng. Hành trang mang theo không khác gì những lần trước. Ba lô gói gọn những thứ quân dụng cần thiết.

Giữa khoảng đồng rộng, chúng tôi trên hướng tiến vào một ngôi làng. Cảnh đồng lúa thật khắng khieu. Không trĩu nặng hạt. Không cao chênh dang trước gió. Không ngợp mắt như đồng lúa miền Nam. Với kích thước thấp bé, người ta dùng làm cắt luôn một lượt cả rơm lẫn tốt trong mỗi vụ gặt, có khi được đập rồi lấy thóc ngay tại ruộng. Cảnh đồng ở đây trái ngược hoàn toàn với vựa thóc đồi dào miền Nam. Nó hao hao giống đồng quê Thừa Thiên. Từ khoảng mệnh mông ruộng lúa với mồ mã gỗ đồng, nhìn xa xa là lũy tre thôn xóm, cứ như thế một khung cảnh quen quen bày ra rất khó phân biệt vùng đất đối với một khách lạ mới đến...

Cách khoảng hai trăm thước, chúng tôi làm những thủ hiệu cần thiết chuẩn bị mọi bất trắc xảy ra trước khi tiến vào làng. Tin tình báo cho hay có một toán vũ trang du kích đột nhập mở đường cho một đơn vị lớn của địch tiến theo sau. Chúng tôi có nhiệm vụ lục soát ngôi làng để một đơn vị bạn sắp đến lập vòng đai an ninh bảo vệ. Trong phần vụ này nếu gặp họ, chúng tôi phải tìm cách thanh toán tùy theo khả năng và hỏa lực đồng thời báo cáo cho đơn vị bạn phía sau. Nhiệm vụ đặt chúng tôi trước đầu gió ngọn sóng. Định mệnh như hình với bóng luôn theo sát chúng tôi và sẵn sàng diêm giờ xuất hiện. Bởi lẽ ưu thế chủ động chiến thuật họ hoàn toàn nắm giữ nên có thể dễ dàng tương kế tựu kế ăn gỏi chúng tôi. Lúc được biệt phái qua phục vụ ở đây, nỗi sợ hãi e ngại không khỏi làm tôi rùng mình. Nhưng những chuyện đi hiểm nguy thật từ nhất sinh dân dân tập chúng tôi thành ra chai đá và quen thuộc hẳn. Tuy thế trước những giây khắc hồi hộp chờ đợi theo từng bước chân lần mò tìm đến mục tiêu, những cơn mất hăm hực sắp bùng lửa cũng phải e dè, những bước tiến không phải hoàn toàn đẹp đẽ như những thiên anh hùng ca thường diễn tả. Sau lũy tre là một rừng dừa. Trong bóng dâm âm u dưới những tán lá đó đang có gì chờ đợi chúng tôi? Chúng tôi đổ dồn cặp mắt về hướng ấy. Tay ghi súng kỹ hơn. Những nòng súng chia mũi vào đó. Tất cả đều mang dấu khi nghi. Hàng tre, rừng dừa đứng im không động đậy. Không một cơn gió. Không một cánh chim lai vãng. Thiếu vắng tất cả mọi hoạt động. Phải chỉ lúc này tôi nghe được tiếng chim hót thì không khí chết chóc đang bua vây nơi đây sẽ bớt nặng nề biết mấy. Đối với tôi trên bình diện ý thức, không còn gì có thể so sánh với ngôi làng này để làm tiêu biểu cho bộ mặt chiến tranh hơn nữa. Hình ảnh chiến tranh ở đây thật lạ lùng. Nó không mang những cảnh tượng đồ nát, hoang tàn nhưng có không khí ngột thở với sự im lặng rợn người đến nỗi cảnh vật phải im hơi.

Chúng tôi dàn hàng ngang cần

trọng tiến chậm từng bước trong tư thế chiến đấu. Không ai bảo ai, chúng tôi dồn tất cả mọi chú ý vào một lùm cây đang lay động. Hình như có những đầu người nhấp nhô? Họ đang rình xét chúng tôi? Nhưng tại sao họ chưa nổ súng. Hay sợ bị lộ mục tiêu...? Những bước tiến càng gần, những nghi ngại càng được phát hiện. Sau lùm cây nằm giữa hai thân dừa, quả thật có bốn đầu người chụm lại, hình như họ đang ép sát, rúc vào nhau để tìm cách che chở nhau. Khi đã đến gần, tôi đưa tay lên làm hiệu cho đồng bạn dừng lại và hét lớn:

— Ai? Giơ tay lên.

Không có tiếng trả lời. Tôi lặp lại tiếng hét, lần này nghe ghê rợn hơn:

— Ai? Giơ tay lên không tôi bắn.

Bốn đầu người từ từ lên cao.

Hai bé gái, một bé trai và một bà già hiện ra. Bà lão giơ hai tay khỏi đầu và bước ra chỗ trống. Bà đưa bé lăm lét nhìn bà, cũng đưa những cánh tay vung về giơ lên và bước theo sau. Khi chúng tôi nói lòng tay súng áp vào bà lão quỳ gối xuống đất. Bà chấp tay cúi mình lay lia lia trong lúc từng giọt nước mắt rơi là chả xương má. Chiến tranh dường như đã mức cạn nguồn nước mắt bà lão. Chắc hẳn bà muốn khóc thật lớn cho giọng nước mắt tuôn xối xả ra ngoài để khóa tất những hòng súng nhưng không thể được. Bà chỉ im lặng và biểu lộ ước muốn bằng những cử động lay lục run rẩy. Bà đưa bé đưa mắt nhìn bà rồi bắt chúng quỳ gối lay chúng tôi. Chúng tôi đều quên mất điều mà đối phương có thể xử dụng bà lão ở đây như một mưu kế. Nhưng may cho chúng tôi đây không phải là lối nguy trang đột trá, nhưng là một thâm cảnh dứt ruột của người dân quê Việt Nam. Bà lão trước mặt chúng tôi đó, thân gầy gò, gương mặt khắc khổ chần chịt vết sẹo nếp nhăn, những nếp nhăn đủ tổ cáo tội lỗi tày trời do cuộc chiến tạo ra —khô mọi mặt mọi điều. Bộ bà ba đen không khác nào đang bọc năm xương khô. Tôi liên tưởng đến một thân thể đầy đủ thịt da bị chùm quang tuyến X rọi rỏ lên cái bộ xương cách trí rả rời đi lờ lờ không. Thật không còn gì quý hơn cái sống bởi lẽ, bà lão, dù đã gần đất xa trời, sống để nhận chịu đủ thứ cực hình, bà vẫn bám sống. Hai bé gái chỉ nhận diện ra chúng là con gái nhờ ở hai mái tóc kẹp thông thả xuống. Với trạc tuổi mười, mười hai chúng không khác gì con trai. Từ lớp da sạm nắng đến những cử động cứng cỏi trên một thân thể chắc thịt, tôi thấy hai đứa đã mất hẳn nữ tính.

Hẳn nhiên chúng đã làm tất cả những công việc dành cho lũ con trai—Cắt cỏ, giữ trâu, gánh lúa...Đứa bé trai trông nhỏ tuổi nhất. Nó ngo ngắc nhìn hết người này đến người khác trong lúc hai tay vẫn đưa lên xuống để lay như một cái máy. Chúng tôi không thể nào ngờ được một trường hợp có thể xảy ra như thế.

Thấy bà lão vẫn còn lay, tôi cất tiếng:

— Bà đứng dậy, không can gì đâu.

Bà lão vẫn run sợ, tiếng nói yếu đuối van lơn:

— Lay các thầy... Lay các thầy...

—Không, chúng tôi không bắn đâu.

Bà lão buông tay đứng dậy nhìn chúng tôi thẳm về cảm ơn. Chúng

tôi hỏi Việt Cộng ở đâu trong làng, bà lão nói họ đã rút đi khi sớm. Yên tâm một chút, cái tình người thâm thiết trong mỗi con người chúng tôi bắt đầu trời dấy. Không còn giọng sát máu nữa, chúng tôi hỏi bà, giọng nhẹ hơn:

— Sao bà núp ở đây?

Bà lão xưng "cháu", khi trả lời chúng tôi:

— Cháu thấy mấy thầy ngoài ruộng cháu sợ quá...

Trong thế lưỡng nan khó xử này tôi nghĩ bà lão đã hành động lúng túng kể cũng hợp lý. Tuổi già và trẻ nít không cần phải chạy trốn phe phái ý thức hệ nào hết. Nhưng khi đối diện với nòng súng trong gang tấc, bà lão chẳng thể tìm được phản ứng thích hợp nào hơn. Sợ quá đâm bối rối, bà lão đã xử trí như thế. Mức độ sợ hãi của bà tùy thuộc hoàn toàn vào cử chỉ, nét mặt chúng tôi. Thấy bà lão đã trấn tĩnh lại, tôi hỏi:

— Nhà bà ở chỗ?

Bà lão chỉ tay đến một căn nhà thấp tè. Căn nhà, mái lợp tranh vách đất như phủ bằng một màu trắng bạc. Bà cho chúng tôi biết những người bên kia đã lừa hết dân làng theo họ, chỉ để lại người già, con nít.

Người con trai và cháu bà cũng có mặt trong đoàn người đó. Bà đưa nỉ — bà vừa chỉ tay vừa nói — là cháu nội của cháu. Mấy cháu ở làng "màn", ruộng khô cực lắm mấy thầy hải l... Lỗi bà lão hết sức đơn sơ, giản dị nhưng phải nghe từ cửa miệng bà thốt ra mới thấy rõ nỗi thống khổ bà đã chịu đựng. Chúng tôi cố nén ép xúc động, bắt đầu chia từng toán soát xét. Nâng trư có phần dịu xuống. Đào mắt nhìn con đường đất, con xóm nhỏ, tôi có thể phác họa trong trí nấp sinh hoạt hàng ngày ở làng này. Những dấu trâu in sâu ở mé hàng tre. Toán gặt lúa đi qua bỏ rơi rớt đằng sau những chẹn lúa già cỗi nằm lẫn lộn với mấy cọng cỏ khô. Những bãi phân trâu màu xám đen bốc lên mùi hôi hăng hắc. Cây tre nằm vắt ngang như một cầu vồng trên đầu giữa đường làng... Cảnh trí làng mạc hoàn toàn đầy đủ cái thiết yếu những vai trò hoạt động tạo dựng đời sống. Chúng tôi dù đã mệt mỏi và trí óc căng thẳng sau mấy giờ nhưng vẫn kéo nhau tiếp tục phân hành. Bà lão dẫn lũ cháu theo sau nấn nỉ chúng tôi vào nhà uống nước. Thật đúng lúc cho chúng tôi nghỉ

ngơi, nhưng chúng tôi đành xin phép bà lão nối tiếp hành trình. Từng nhóm nhỏ chúng tôi chia nhau tuần hành, lục xét trên những con xóm. Sau đó chúng tôi gặp nhau ở đình làng. Tình hình hết sức khả quan, không có gì xảy ra. Chúng tôi báo ngay cho đơn vị bạn phía sau biết. Trút được gánh nặng, chúng tôi nằm soãi dài nghỉ lưng trên cỏ dưới những bóng cây. Hình ảnh bà lão và ba đứa cháu trở về khuấy động trí óc...

Xong công tác chúng tôi trở về vào buổi chiều trên một lộ trình khác lúc ra đi. Xuất hành năm giờ chiều, khoảng một giờ sau, chúng tôi men theo con đường đất trắng đục về căn cứ. Vùng trời mệnh mông dựng lên nỗi buồn trống vắng đè nặng tâm hồn lữ khách. Mặt trời rơi lổm giữa hai sườn núi vĩ đại, đỏ ngắt như một hòn lửa giết người, bóng những trái núi trùn lên cả một khoảng rộng dưới chân. Những tia nắng tím thắm xạ ngang trên đám cây rừng.

Một phần dãy Trường Sơn hun hút nằm trong nội địa Quảng Nam. Những trái núi hùng vĩ soãi mình gọn sống với những triền dốc vi vút hiểm nghèo. Nếp vào con đường đất trắng đục, những luống khoai cải còi hẳn lên nổi xốt xa đôi khở. Những luống khoai lỗ chỗ từng vũng sâu do những trái đạn đại bác mức xoáy. Những rãnh đất trắng khô còm còi như một thân thể bệnh hoạn. Một khóm nhà tranh lưa thưa xiêu đổ nằm sau các luống khoai. Không gian đồ dãn vắng lặng thật ma quái. Tôi nghe nỗi buồn thấm sâu xuống tủy, nỗi buồn mệnh mang bao vây chung quanh.

Nhìn vào khóm nhà lá không thấy một bóng người. Cảnh diêu ảm trải ra hết sức nặng nề. Từng căn nhà đổ nát, sập hẳn một mái, thủng một góc do những trái đạn phá nát. Những thân cây trên các sườn nhà phơi giữa mưa nắng lâu ngày trông đã mục rã. Những dùm cỏ cao, leo quanh hè, bám luôn vào các vách tường đất. Những khoảnh đất làm sân trước mỗi căn nhà đã hóa thành bãi cỏ hoang. Không có dấu gì chứng tỏ có bước chân người dẫm lên miếng đất này. Một giếng nước sứt mẻ hết cả miệng, càng lúc càng bị vùi lấp theo thời gian, bên cạnh còn in dấu đạn cây xói mòn đất. Tất cả đều mất cả sinh khí. Chúng tôi không thể nào

dân nguyên ở khóm nhà này đã kéo nhau lánh nạn chỗ nào – bên này hay bên kia? Hay đã chịu cái số phận của một Sơn Chà, Dakto? Có điều gì đó tỏa ra chung quanh ngột ngạt, uất ức nằm im lìm không dám lên tiếng. Càng nhìn những phi lý cùng cực càng đánh mạnh vào trí nghĩ tôi. Tôi tự chửi thầm một hơi bằng câu triết lý... vụn hơn cám... «Mẹ tở, chủ nghĩa với chủ thuyết...» Hãy giành cho những thằng ăn no rơn mỡ, ngồi tán dóc với nhau... Không giả quyết được sự an toàn tối thiểu cho đời sống vật chất và tinh thần của thằng dân đen, tôi đổ các Ngài làm nên đại sự. Niềm ước muốn nhỏ nhoi được yên ổn làm ăn kiếm sống, thằng dân chờ đợi hoài huyễn cũng không được các Ngài ban cho. Các Ngài la hét om sòm chuyện Quốc kế dân sinh trên bộ xa lông và những bàn tiệc sang trọng dọn sẵn trong lúc những quả bom, những trái đạn vẫn tiếp tục ngày ngày rơi xối xả một cách hỗn hào chó má lên đầu thằng dân chúng tôi...»

Đang miên man với những cảm nghĩ lộn xộn rồi rằm trong đầu, tôi bỗng ngạc nhiên đứng sững lại. Một bà già – thêm một bà già trong chuyện công tác lịch sử này, đang ngồi búi đất trên đất khoai. Tôi vẩy tay ra dấu cho đồng bạn biết sự xuất hiện lạ lùng của bà. Chúng tôi quá đổi ngạc nhiên. Thằng bạn người Nam đi gần tôi có thói quen hề gặp chuyện gì lạ, hẳn mở miệng văng tục ngay. Nhìn bà lão hần lắc đầu xệ mắt xuống:

– Đ.M.L... Cảm động quá mậy. Bà già hình như chẳng cần chú ý đến chung quanh, lui cui cúi đầu từ từ cật đất mớ khoai củ khoai. Tôi nghĩ đến hình ảnh «người mẹ Gio Linh» của Phạm Duy. Mới hay chiến tranh Việt Nam luôn luôn vẫn có những «người mẹ Gio Linh». Rừng chiều nặng nề u ám. Buổi chiều như có những nhịp thở thoi thóp. Mặt trời sắp chôn mình sau núi. Từng cơn gió rừng rừ rì thổi lạnh lạnh như có mang theo nọc độc. Cảnh tượng buồn bã quá. Tôi bước nhanh về phía bà lão để trông rõ hơn. Có nhìn quanh quất thật chăm chú, tôi vẫn không thấy một đứa cháu đứa chắt nào lai vãng gần đó. Đơn độc chỉ có một mình bà lão ngồi búi khoai. Robinson khi lạc trên hoang đảo, tôi vẫn tưởng tượng nó là đứa anh hùng có cú đâm ngàn cân. Còn bà lão trước sao vẫn là thân già sức yếu. Tuổi đời chông chất theo tuổi thanh, bà lão lưng đã quá còm, chứng tỏ bà không còn nằm trong cái tuổi dưới bảy mươi. Nhưng bà ở đâu lại ngồi xoi khoai tại đây? Khóm nhà tranh kia hoang vắng quá rồi đâu còn ai ở đó nữa. Tôi vờ đằng hắng một tiếng thật lớn và bắt chuyện thẳng bạn đi bên cạnh cố làm bà lão ngừng đầu lên. Mặc kệ, bà vẫn im lìm ngồi kéo chùm rễ khoai ăn dăm dưới đất. Tôi muốn làm một đường phồng vắn tốc hành bà ta để biết rõ sự tình, nhưng đồng bạn kéo nhau đi hết tôi phải bước theo. Đi, nhưng vẫn lâu lâu quay nhìn lại và bà lão vẫn im lìm cúi mặt xuống đất, vẫn tiếp tục vật lộn với mấy củ khoai giữa rừng chiều dịu hiu buồn thắm...

Tôi vừa đi vừa nghĩ ngợi mung lung không còn tâm trí nào nhìn ngắm những gì xung quanh nữa. Những

bước chân một mõi rả rời, hình như tôi nghe tiếng hát...

Trên đường về nhớ đây...
Chiều chậm đưa chân ngày...
Tiếng buồn vang trong mây...
Tiếng buồn vang trong mây... (1)

THAY CHO ĐOẠN KẾT:
Phóng sự tôi viết rồi đó, Thuận. Mày đọc đi. Tôi muốn viết xong ngay từ hơn tháng nay, nhưng có lẽ vì mang quá nhiều ân tình và xúc động tôi đã không thể viết đủ năm hàng mỗi lần đặt bút xuống giấy. Mỗi ngày không viết ra là mỗi ngày tôi khổ sở như có hàng vạn ân ức đè nặng trên đầu.

Cứ đi để ngạc nhiên. Cứ ngạc nhiên để tiến bộ. Mày nói đúng lắm. Nhưng mày đi không phải là Nguyễn Tuấn đi. Nguyễn Tuấn làm con cháu chèo, vui... OK... đầu, khi buồn... a lẽ hấp... đi. Trại lại mày đi đó ngại quá. Mày biết tôi thương mày chứ. Mỗi lần nghe đoàn thiết giáp Kim Ngưu rầm rộ nghiền nát con đường Lê Trung Đình, tôi chạy ra chớp mắt kiếm mấy ngời trên thùng xe. Tôi đoán biết hề xe tank bỏ trại mà chạy là có chuyện. Mày để xe tank mang ra khỏi thành phố, tao lo quá. Ngày mai, biết còn...

Nhớ lại cái chiều hôm nham nhớ mấy vẩy tay chào tao trong lúc những vòng xích sắt cuốn hút mày đi, tao không biết tiền mày bằng cách nào. Gặp lại mày, tao nửa mừng nửa tủi không muốn nhắc nhớ gì cái hôm đó, nhưng mày vẫn kể tao nghe lại trận đánh vừa qua. Thì ra, hề mày vắng mặt là có đánh nhau, giết nhau. Hề mày không ở thành phố tức là mày đi hành quân, bắn giết.

Những lúc đó, mày đâu có nói gì, phải không? Mày im lặng rình rập và lấy cớ. Cả những lúc ngồi với tao trong quán kem Thanh Thủy, mày cũng đâu có nói gì, phải không? Ở đâu mày cũng im lặng. A, thế mà mày đã nói quá nhiều đó Thuận. Mày không nói nhiều sao tao hỏi gì mày cũng trả lời dè dặt rồi rằng lìm tào tin mậy quá đó. Bằng chứng là cái bút ký này, nếu không có mày làm sao tao viết được. Bà lão, bà đưa trẻ và Người Mẹ Gio Linh làm mấy cảm động muốn khóc. Mày kể tao nghe qua hai hàng mi rung rung, tao viết ra thành lời ta rất cảm ơn mậy... Đó, mậy không nói, nhưng mậy đã nói rất nhiều. Mày nói cho quê hương nghe, cho anh em bạn bè đồng bào mậy nghe. Tao tin chắc ai cũng muốn nghe mậy kể mậy nói và sau khi nghe xong, biết mậy đã thực sự có mặt trong đó, ai cũng thương mậy. Mày không nói mà chỉ hành động, hành động một cách khôn ngoan khôn khéo. Mậy sống để tức tưởi, để không nói thành lời. Chắc mậy hiểu vì sao tao thương mậy rồi.

Tao không cần nhắc lại nữa vì tao chưa ghét gì đó. Nhưng tao phải nhấn mạnh điều này, mậy chính là đứa con đích thực của người mẹ Việt Nam. Cũng như những người không bao giờ huyền hoàng những lời ái quốc ái quốc, chỉ biết im lặng xốt xa trước thảm trạng quê hương, âm thầm chịu đựng số phận hẩm hiu của đất nước, mậy đã làm tao thương mến vô cùng...

Nhưng thương mậy bao nhiêu, tao lại muốn tục tĩu vào mặt cái bọn người chuyên làm trò khi hôm nay bấy nhiêu. Bọn chúng là ai chắc mậy biết. Đó là bọn hề mở miệng ra thì xài toàn cả mỹ từ, chẳng ai thèm nghe. Những cái thùng rỗng đựng rác thôi, tao muốn khạc nhổ vào đó. Không nói ra, nhưng tao nghĩ mậy đã ăn giấu quá nhiều sâu kín thối mả trong lòng. Mậy có đơn lăm phải không? Nhưng không đâu, trước sau mậy vẫn còn ta, bạn mậy, cố gắng hiểu mậy, Thuận... V

(1) Chiều, thơ Hồ Dzếnh, Dương Thiệu Tước phổ nhạc

xuất cảng văn nghệ

TỜNG CỤC C.T.C.T hiện đang thực hiện hai công tác Văn nghệ đáng hoan nghênh. Đó là việc:

1— Đẩy mạnh công tác xuất bản và phổ biến ra ngoại quốc cũng như trong nước những tập thơ, văn, nhạc, kịch v.v...

2— Thành lập nhiều toán Văn nghệ đã chiến đi trình diễn xuống đến cấp Tiểu đoàn, Đại đội, chú trọng ưu tiên các tiền đồn.

Công tác xuất bản tuyên tập Văn nghệ đáng hoan nghênh ở nhiều mặt: thứ nhất, đồng bào ta ở nước ngoài rất khao khát được đọc thơ, truyện viết về quê hương, phản ánh lại cuộc đấu tranh cam go và anh dũng của nhân dân suốt 20 năm đằng đẳng. Xa quê hương lâu ngày, được nghe một điệu hò, điệu hát, đọc một bài thơ, một tập truyện gọi lên tinh tự dân tộc, đó là một niềm an ủi lớn lao đối với họ. Tác phẩm văn nghệ, trong trường hợp này, được coi như một nhịp cầu một mối giây xe kết họ với quê hương; làm bùng cháy thêm ngọn lửa yêu nước trong lòng họ. Nhằm vào điểm tâm lý này, Hà-nội đã đẩy mạnh việc phổ biến trong giới Việt Kiều Hải Ngoại vô số sách, truyện của miền Bắc in rất đẹp với mục đích tuyên truyền, vận động. Tuy số lượng nhiều tới như sách, truyện của Bắc Việt đều là sách, truyện tuyên truyền một chiều nên không gây được tác dụng tốt trong giới Việt Kiều, chỉ cần đọc vài cuốn họ đã chán ngay.

Bên ta cũng đã phổ biến ra ngoài nước một số tác phẩm văn nghệ xuất bản tại miền Nam trong vòng 10 năm trở lại đây và đã được giới Việt Kiều, nhất là anh em sinh viên, tiếp đón nồng nhiệt. Lý do là tác phẩm Văn nghệ của ta nhiều màu sắc và tự do hơn.

Bây giờ, Tổng Cục C.T.C.T. đứng ra xuất bản thêm những tuyên tập văn nghệ thì số lượng nhất định sẽ được gia tăng vì Quân Đội có nhiều ấn quán; mặt khác, làm tuyên tập tức là có sự lựa chọn, vậy chắc chắn là những tác phẩm in ra phải là những tác phẩm có giá trị về mọi mặt: hình thức, kỹ thuật cũng như nội dung.

Thứ hai, công tác xuất bản những tác phẩm chọn lọc này sẽ giúp cho các Tác giả từ lâu nay có thơ, truyện mà không in ra được vì không có phương tiện, một dịp tốt để ra mắt quần chúng. Nhờ công tác này mà chúng ta sẽ phát hiện thêm được những cây bút mới.

Thứ ba, nếu Tổng Cục C.T.C.T thực hiện việc xuất bản này theo một nhịp đều đặn, đứng đó chờ nửa chừng thì rồi đây quần chúng sẽ có được những cuốn sách tốt mà đọc; những tác phẩm đứng đắn có giá trị sẽ được dịp xuất hiện vì ai cũng biết rằng các nhà xuất bản con buôn hiện nay sẵn sàng từ chối những cuốn sách nào không nói đến tình yêu trai gái, không bàn đến đức tính, không có cảnh hiệp đấu hoặc những thảm kịch đen tối, những pha giết gân, nhệch thờ; những cảnh sống nham nhở như học trò ngủ với cô giáo; có giáo yêu học trò v.v...

(Chúng tôi tưởng cần mở một dấu ngoặc ở đây để nhấn mạnh rằng: trong việc xuất cảng văn nghệ, việc tạo hoàn cảnh để các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng trong nước ra nước ngoài, đi tham viếng, sinh hoạt và nói chuyện cùng đồng bào ta ở Hải-nội là một việc làm tốt, có nhiều tác dụng, ấy thế mà chưa bao giờ thấy chính quyền thực hiện trong khi những diễn viên cải lương đi đi, về về BaLê như đi chợ. Phải chăng, giá trị của một Thành Được, Thanh Tú đáng kể hơn một Mai Thảo, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Mạnh Côn, Mặc Đỗ v.v... Giới Cải lương có thể trình diễn, tác động được một số Việt Kiều thuộc giới trung lưu nhưng còn anh em sinh viên, trí thức thì sao? Chính đối tượng này mới thực sự quan trọng cần vận động. Chưa nghe chuyện các bà vợ, con gái của các tướng tá, chính khách lưu vong (giới hăm mộ Cải lương) đi biểu tình phản chiến mà chỉ thấy sinh viên Việt Kiều nhóm họp, hội thảo, biểu tình đã đảo chiến tranh V.N.)

Về công tác biến Biệt đoàn Văn nghệ và ban Văn nghệ Hoa Tinh Thương thành từng toán Văn nghệ đã chiến đi trình diễn đến cấp Tiểu Đoàn, Đại Đội là một sáng kiến thật tốt đẹp. Có làm thế, anh em lính ở các tiền đồn heo hút mới có dịp được hưởng thụ văn nghệ.

Biệt đoàn Văn nghệ và đoàn Văn nghệ Hoa Tinh Thương vốn là những đại ban, thường gặp trở ngại nếu muốn đến các đơn vị nhỏ. Hình thức công kênh, đại quy mô chỉ thích hợp với các đô thị, các sân khấu Đại Nhạc hội mà thôi. Nay tách ra, thành lập thành từng toán 10 người, trình diễn dưới hình thức Văn nghệ đã chiến, vận chuyển gọn gàng, mau lẹ, không gây khó khăn cho các đơn vị thụ hưởng về phương diện âm thực, cư trú thì chắc chắn sẽ đạt được nhiều kết quả. Kết quả ở chỗ tới được các đơn vị nhỏ, các tiền đồn nơi lâu nay anh em binh sỹ thường khao khát Văn nghệ mà chỉ một vài bóng hồng, vài bài ca, một màn kịch nhỏ cũng đủ đem nguồn vui lại cho họ.

Di nhiên, khi xé lẻ ra thành nhiều toán, mỗi anh chị diễn viên phải là một nghệ sỹ đa năng, một lúc có thể đóng được nhiều vai; thành thạo vừa ca, vừa kịch, vừa vũ, nhạc. Tiến tới chỗ đó kẻ ra cũng cần nhiều cố gắng và thiện chí. Điều đó, chúng ta đã có dịp tìm thấy qua toán Văn nghệ đã chiến của Tiểu Khu Kiến Hòa, chỉ có 8 người mà giữ vững được một chương trình văn nghệ đủ tiết mục, mục nào cũng đặc sắc.

Vấn đề là thiện chí và ý thức cầu tiến cộng với lòng yêu mến anh em lính tiền đồn, những người hằng trông chờ được đón tiếp Văn nghệ như một món ăn tinh thần không thể thiếu.

KHỞI HÀNH

vở phien

NHÌN VÀO VĂN CHƯƠNG



HOẠT ĐỘNG

VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Tại sao đàm thoại mỗi ngày mỗi lan rộng trong văn tiểu thuyết?

Nó đem không khí sinh hoạt thực tại vào nghệ phẩm, như vậy phải chăng các tác giả viết truyện nhật trình có xu hướng tả thực?

Thiết tưởng không phải. Trong các tác giả truyện nhật trình có kẻ viết tiểu thuyết tâm lý, có người viết tiểu thuyết xã hội, có kẻ tả thực, có người lãng mạn v.v...; trong ấy đàm thoại không phải là dấu hiệu dễ phân biệt. Và lại đàm thoại cũng chưa bao giờ là đặc điểm của tả thực: nhân vật của Zola, Flaubert, Balzac, Maupassant v.v... không có thành tích lắm lời. Trong thực tại, các nhà văn tả thực trước đây chưa từng có vẻ xem thực tại ngôn ngữ là cái quan trọng hơn cả. Mặt khác, có những cái mà Flaubert, Balzac... lấy làm quan trọng, và quan sát, mô tả cặn kẽ, thì các tác giả truyện nhật trình lại bỏ qua. Thật vậy, truyện nhật trình kiêng kỵ mô tả dài dòng, dù là tả thực.

Henry Green có một cách giải thích: « ngày nay người ta không viết thư cho nhau nữa. Bấy giờ người ta dùng điện thoại. » (1) Quả có hiện tượng ấy. Các người viết danh nhân truyện ký từ đây về sau sẽ gặp sự thiệt thòi: họ sẽ không sao có tài liệu quý báu như những đồng thư từ xưa tầm được của bà De Sévigné, của Byron, của Balzac v.v... Trong sự giao thiệp, dần dần thiên hạ quen dùng lời nói thay cho thư từ. Nhưng bảo rằng do đó nhân vật tiểu thuyết đàm nói nhiều thì e là suy diễn quá xa. Và lại, xa xưa khi con người chưa bày ra văn tự hay gần hơn: khi chưa nghĩ ra bưu vụ, chưa có thói quen viết thư—khi ấy các nhân vật, hoặc trong huyền thoại, hoặc trong truyện cổ dân gian, hoặc trong tiểu thuyết, có nổi bật vì cái nét lắm lời đâu?

KHÔNG có gì chắc chắn rằng các văn sĩ viết truyện nhật trình ham tả thực hơn các văn sĩ khác, cũng không có gì chắc chắn rằng việc phát minh ra thư tín làm cho nhân vật tiểu thuyết bớt phát ngôn.

Henry Green so sánh truyện ngày nay với truyện ngày trước, bảo ngày nay có nhiều đối thoại hơn. Chúng ta lại so sánh truyện nhật trình với các thứ truyện khác ngày nay, thấy rằng trong truyện nhật trình ở ta hiện tại đối thoại nhiều hơn. Vì đâu có cái địa vị thượng đẳng ấy?

Ngẫm nghĩ về điều kiện sáng tác của tiểu thuyết gia viết nhật báo và các tiểu thuyết gia khác, riêng ở xứ ta hiện nay, cũng có những chỗ khác

trước mặt họ. Một cuốn tiểu thuyết trung bình lúc này in ra chừng hai ba nghìn bản, bán độ đôi ba năm mới hết. Còn nhật báo, có tờ khoe hàng trăm nghìn số, tính trung bình tờ đất bù tờ e phải chẳng chừng bốn năm chục nghìn số? Một đảng hai ba năm mới tìm gặp đủ hai ba nghìn độc giả, một đảng mỗi ngày có bốn năm chục nghìn độc giả: Chúng ta có những số lượng chênh lệch ghê gớm.

Sự chênh lệch về số lượng chắc hẳn một phần nào có phản ảnh sự chênh lệch về trình độ. Có những gia đình ngày ngày có mua báo, nhưng quanh năm (có thể suốt đời) không mua cuốn sách nào. Nghĩa là có những người đọc báo mà ở ngoài sinh hoạt nghệ thuật.

Thứ đến, cách thức trình bày tác phẩm của truyện nhật trình là một cách thức đặc biệt. Tựa hồ như chương hồi tiểu thuyết ra đời ở xã hội Trung Hoa trước kia. Người ta cho rằng chương hồi tiểu thuyết thành hình trong những cuộc kể chuyện dạo ban đêm ở các xóm làng. Đêm đêm dân làng tụ tập làm việc, để giải trí có hạng kẻ dạo đi từ làng này sang làng khác. Họ đến giữa đám đông, kể chuyện một đêm; nếu thính giả thích thú, đêm sau họ lại được mời ở lại kể tiếp đoạn sau. Cứ thế kéo dài.

Văn sĩ viết truyện nhật trình phải nhận cái giới hạn vài cột báo mỗi ngày, tác giả truyện chương hồi chịu cái giới hạn của thời gian mỗi đêm. Loay hoay trong phạm vi giới hạn ấy, nếu họ không trở nổi tài, hôm sau họ sẽ bị bỏ rơi, không được mời nữa. Thời gian thời thức họ, thời gian cũng ủng hộ họ: lời nói rồi bay đi, báo đọc rồi vứt đi, những gì nghe hoặc đọc hôm nay không cần phải liên hệ quá chất chề đến những điều đã nói hoặc viết hôm qua.

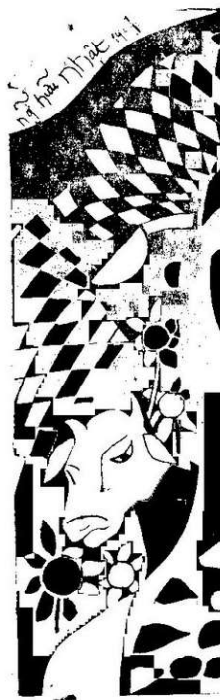
VỀ phía quần chúng độc giả nhật trình, có thành phần không quen với sự tập trung tư tưởng quá lâu, với những suy luận trừu tượng; về phía tác giả truyện nhật trình, họ bị buộc phải gây cho được sự xúc động—hay, ít ra, là sự tò mò chú ý—từng ngày một. Vậy, nên tránh: sự dài dòng, mô tả, phân tích, lý luận... Nên có: những hoạt động cụ thể, nhộn nhịp. Các tác giả truyện nhật trình phải luôn luôn có những chương trình ngắn hạn để trình bạn đọc.

Hoạt động trong chương hồi tiểu thuyết xưa kia là các trận đánh nhau, các mưu thần, chức quý, các phép phép thiên biến vạn hóa. Kỹ thuật ấy, kể mỗi đêm ăn khách, mà viết mỗi ngày cũng ăn khách: cho nên nhân vật của Alexandre Dumas, của Kim Dung, quanh năm suốt tháng vẫn không làm gì khác hơn là đánh nhau.

Trong truyện kiếm hiệp, đánh nhau một cách; trong truyện trinh thám, đánh nhau cách khác. Nhưng vẫn là đánh nhau. Các tay gián điệp kể tục sự nghiệp của các hiệp sĩ, các kiếm tiên Z28,007 v.v... là những thái tử Na Tra, những Tiết Nhân Quý tân thời. Họ có thể học hỏi nhau, có những kinh nghiệm để truyền cho nhau.

Còn *Vợ Thầy Hương, Chú Tư Cầu* v.v..., họ học hỏi ở đâu? Các tác giả ái tình tiểu thuyết, viết đăng nhật trình, họ đâu có thể cho nhân vật đánh nhau mãi để gây sự hoạt động? Sức mảy mà từng cặp nam nữ có thể « đánh » nhau hàng ngày để cho vui độc giả?—Không đánh nhau được, bèn có sự đấu nhau. Đấu hót trung táng cũng là hoạt động, cũng náo nhiệt. Và thích hợp cho lãnh vực ái tình.

Khi hai nhân vật mãi mê chuyện trò, đồng tác trong cuốn chương có thể bị ngưng lại nhưng độc giả không bị lôi cuốn theo cốt truyện thì họ lại bị lôi cuốn vào câu chuyện. Vào cuộc chuyện trò. Bởi vì quả là chuyện trò có sức lôi cuốn; tân văn tiểu thuyết hiện đại của ta đã có công phát giác ra sức lôi cuốn đó. Và đây cũng là một điều đáng chú ý.



HỒI NHỎ, tôi ưa đi thăm sở rẫy. Ở mảnh vườn làng cách nhà tôi một con lộ trải đá xanh có nhiều ao rạch. Mỗi kỳ hè, hầu như ngày nào tôi cũng vào vườn làng nếu không câu cá thì cũng hái rau, bắt ốc. Tôi vốn nhẹ bóng vía lắm, nên đứng như ông bà mình thường nói, tôi câu được nhiều cá. Khi câu được chừng năm con cá rô mè, hoặc một con cá bóng, tôi nghĩ ngay đến nồi canh rau nấu măng. Phải có cà chua và rau cần. Tôi liền đến sở rẫy cách vườn làng vài đoạn cầu khỉ.

Rẫy thuộc về người Triều Châu. Họ mua đất đây lau sậy, đốt ra tro rồi đánh vông, phen trong đất sẽ chảy ra mương, rồi trôi về sông cái. Đất đã sạch phen thì họ bắt đầu trồng rau, đậu, khoai bắp. Nhà của người Triều Châu cất ở bên rẫy để họ tiện việc trong coi. Họ tiện tận tâm, chịu khổ cực siêng năng. Buổi cơm của họ thường có món canh xé bầu, rẻ và ngon, nấu bằng củ cải muối và thịt ba rọi. Nếu thức khuya để làm công chuyện, họ thường có cháo trắng ăn với cháo đỏ, và thịt kho.

Bây giờ, nhắm mắt lại tôi có thể hình dung đến người chủ rẫy mập và lùn, đầu cạo trọc, chừa một chỗ thất đuôi sam. Ông ta đeo chiếc cầm thạch để đuổi ma quỷ. Vợ của ông nhỏ nhắn mặc áo xam xanh sậm, mùa nực đi đầu bà cũng mặc đồ lãnh đen, đeo khoen vàng, tay xách dù đen cán ngoéo.

Sở rẫy của họ thật đẹp, gồm những luống đất chạy dài mát mắt. Tôi mê những luống trồng xà lách màu lục non, những luống cà chua với những trái đỏ chín màu son. Không khí trong rẫy nếu không tròn



nguyễn thị thủy vũ

muốn đời qua nghề trồng rẫy. Nhưng bây giờ, ở miệt vườn thường mất an ninh. Giấc mộng lập nghiệp nơi sản dã của tôi chưa thực hiện, hoặc không bao giờ thực hiện cũng nên. Tuy vậy mà tôi thường chiêm bao thấy vĩa mình đến chơi các sớ rẫy, để ngắm đàn tay khô héo của người đàn bà Triều Châu mài củ khoai lang trên vĩ sắt đục lỗ để lọc tinh bột. Bột khoai lang, khuấy với đường bằng nước sôi, ăn bổ tì vị và mát lá gan. Tôi còn mơ thấy người đàn ông Triều Châu gói những hạt giống trong những mo cau rồi treo lên giàn bếp để vào đầu mùa mưa, ông sẽ bỏ vào những lỗ nhỏ khoét trên luống đất. Nước mưa và sức nóng của nắng sẽ làm hạt nảy chồi. Mầm sống bắt đầu khuấy người Triều Châu cung dưỡng bằng nước tưới trộn nước tiểu và phân người.

Đôi khi tôi tự hỏi tại sao, người ta có thể chịu được một cách thoải mái nhịp sống đơn giản ở rẫy bãi. Ở đó ngày nào cũng như ngày nào, mặc dầu thời tiết có thay đổi. Chung quanh rẫy là vườn tược, và đồng nội. Trời nắng, vang vang tiếng quạ, tiếng chim gõ kiến, tiếng ác là. Đêm đêm, tiếng vạt sành kêu ran ran trong khóm cỏ, trong đám lá dầy đặc. Trời mưa, ở, ao, bầu, mương, tiếng ảnh trong, tiếng nhóc nhen kêu buồn thảm. Người Triều Châu sinh nhai, không có một trái tim giàu cảm xúc khi nghe những âm thanh đó như từ cõi hoang vu vọng về hay sao?

Thật ra, sau này, là ở Saigon một mình, tôi mới hiểu. Bất cứ ở đâu với gia đình, con người ta không có nỗi cô độc ám ảnh, và người làm việc bằng tay chân không có thì giờ để xúc cảm lắng nghe những nỗi sầu muộn êm ái đi nữa. Bởi đó, nếu sau này về nơi chốn chôn nhau cắt rốn, tôi sẽ xúi gia đình tôi trồng rẫy, nuôi heo, nuôi gà như lúc ba tôi lập nghiệp ở Mỹ

Tho. Ba tôi trông hường có lối hồn chực giống, quí mang tên đẹp như Marie France, Soraya, Grace, Monaco v.v... Ông còn biết chăm cừu và đôi bí quyết trị liệu những bệnh cảm, sốt thương hàn. Tài nghệ của ông rất thích hợp một đời sống ẩn dật vì gần gũi với dân quê.

HÔM QU A bà chị bà con tôi đến thăm. Chỉ dẫn theo hai đứa con trai lớn. Chúng đen sạm, tóc dầy, mạnh khỏe. Bà chị của tôi vẫn đẹp. Vải tơ nội khóa vẫn làm cho vóc mình chỉ mềm mại. Khí hậu ở chốn thủ đô này có vẻ hợp với sức khỏe mẹ con chị hay sao? Tôi suy nghĩ mãi và trực nhớ là chỗ chỉ ở cũng thuộc xóm lao động, hỗn tạp, ồn ào. Chúng tôi hàn huyên, nhắc nhở cảnh vật chốn quê nhà. Cháu tôi ngồi lơ đãng, chúng không thể cảm thông được đời sống ngoài thành thị này vì đó là một thế giới xa lạ, nhật nhèo đối với chúng. Chị tôi cho hay là vùng tôi ở bây giờ thuộc vùng xôi đậu, xảy ra nhiều cuộc chạm súng, khó bề làm ăn, mua bán chớ nói chi đến việc chăn nuôi, trồng trọt để lập nghiệp. Tôi buồn bã, cảm thấy mình không còn cơ hội về quê nữa.

Hồi Việt Minh kháng Pháp, các anh công tác thành thường quanh quẩn ở xóm tôi, ra vào dễ dàng. Nếu

bị bọn lính partisan đuổi bắt, họ chỉ lủi vào vườn lùm, băng qua sớ rẫy, đến bên kia chân vườn là thoát thân.

Đó là sinh lộ của họ. Bởi thế, rẫy bãi đối với tôi không phải chỉ là kỷ niệm thời thơ ấu, mà còn là hình ảnh dính liền với một giai đoạn lịch sử.

Bây giờ là đầu mùa mưa. Ngồi ở gian nhà lụp xụp, trí óc tôi trôi về chốn cũ. Mâm cơm chiều vừa dọn lên. Ánh đèn trắng xóa, buồn bã... Tôi nghĩ mình phải viết một cái gì trước khi dùng bữa. Tối nay tôi phải ngủ sớm. Nếu tôi không viết được, sẽ có một cái gì cứ quấy thao thức trong đầu óc tôi. Xếp giấy trắng bày ra, tôi mơ mơ, màng màng. Rẫy cũng là một chất liệu của một bài đoản văn hay sao? Tôi cảm thấy mình độ này nghèo túng để tài lẫn cảm hứng. Trong nhiều chuyện gần của tôi, luôn luôn tôi đem kiềng vặt, thiên nhiên vào để làm cho tác phẩm của mình đỡ khô khan, buồn bã...

Tôi chợt nhớ ba tôi thường mơ trở về ngôi nhà cũ để sửa sang nó lại. Tôi cũng có một giấc mơ làm rẫy, mặc dù tôi chưa biết cách trồng trọt, chăm bón.

Nếu không làm rẫy để sinh nhai, chắc chắn tôi sẽ lập một vườn rau thay vì trồng bông, suu tầm cây kiềng... Nhưng đọc báo hoài mà tôi vẫn thấy thời cuộc chưa ngã ngũ ra sao? Và tôi cứ viết văn, ăn mót, hời

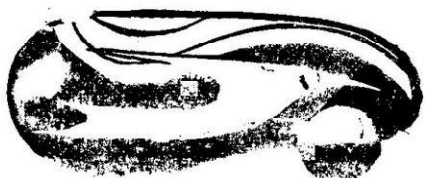
VỀ Rẫy

lượm lặt từng kỷ niệm thơ ấu. Tiền nhuận bút đủ trả một chầu phở và châu sinh tố vào lúc mười một giờ tối mà tôi thường đói bụng bất thần. Có nhiều lúc tôi tự hỏi: có sao tôi lại viết văn, in sách? Vào thuở mới lớn lên, tôi nào có mơ ước chuyện đó. Tôi đã mơ ước một gia đình như mọi người, cất nhà trên một sớ đất xinh đẹp để vui thú sản dã. Dòng đời cứ xô đẩy tôi trôi xa một đêm tựa, làm tôi ngao ngán. Nhiều lúc đầu óc tôi rỗng, chán ngán, tới cực độ mà tôi vẫn cầm bút để chạm trổ từng sự việc, từng cảm nghĩ.

Tôi viết say sưa. Rẫy bãi sẽ giúp tôi trở về quãng đời của tôi vào năm 1948 đến năm 1960. Thuở đó tôi sống gần bên rẫy bãi, nhìn cuộc đời mãn nguyện, không mơ ước.

Bây giờ tôi có cuộc sống khác, tuy mãn nguyện nhưng cảm thấy hơi thiếu một hình bóng gì >

QVK MAI THỌ TRUYỀN



NÓI VỀ VĂN HÓA

Trong kỳ trước, KH đã đăng tải đoạn đầu của bài này, đề cập vấn đề Kiểm Duyệt. Dưới đây là ý kiến của tác giả Mai Thọ Truyền về vấn đề Văn Hóa, được ghi lại nhân buổi tiếp xúc trong cuộc tiếp tân của nhà xuất bản Trình Bày, ngày 6-7, tại Đại Lục Lữ Quán.

— Thưa cụ, có tin Hội Đồng Văn Hóa đang được thành lập?

— Tôi không biết gì về việc ấy?

— Mới đây các báo có đăng tin ông Phó Thái Long, hình như thế, tôi không nhớ rõ, được Phó Tổng Thống cử ra để tiếp xúc thành lập Hội Đồng Văn Hóa,...

Ông QVK Đặc Trách Văn Hóa lúc đầu:

— Tôi không biết gì về vụ ấy.

— Thưa cụ, cụ là QVK Đặc Trách các vấn đề Văn Hóa.

Ông QVK ngắt nghỉ nói:

— Thật ra, cách đây đã lâu, Phủ tôi và Bộ Giáo Dục, lúc ấy là Bộ Văn Hóa Giáo Dục, có đồng ý vài điều về việc thành lập Hội Đồng này. Thí dụ vấn đề đề cử nhân viên. Chúng tôi dự định Hội Đồng này sẽ gồm 30 nhân viên, mỗi bên đề cử một nửa. (1)

— Thưa cụ, công việc tiến hành đến đâu rồi.

Ông QVK cho biết tình trạng chưa tiến triển gì hơn.

— Thưa cụ. KH đang thực hiện cuộc phỏng vấn về văn hóa, gồm bốn câu hỏi. Ý kiến của cụ ra sao?

Ông QVK lắc đầu, cho biết khó mà nói trong vài phút, vài giờ về danh từ Văn Hóa. Tuy nhiên, ông nói:

— Văn Hóa và công việc liên tục, không thể chia ra từng giai đoạn không có vấn đề văn hóa hậu chiến hay tiền chiến. Tuy nhiên trong tình trạng chiến tranh, Văn Hóa không thể được chú trọng như trong tình trạng bình thường. Một nước có chiến tranh cũng như một người lâm bệnh. Cái phải làm trước hết là chữa cho con bệnh khỏi ốm.

Sau khi đưa ra thí dụ đó, ông QVK giải thích:

— Bởi vậy, Văn Hóa trong chiến tranh chỉ được coi vào hàng thứ yếu. Ưu tiên phải dành cho Quân Sự. Và lại, ngân sách dành cho Văn Hóa ít lắm.

Câu chuyện lan man tới nhiều địa hạt. Có một lúc ông QVK đề cập danh từ Dân Chủ. Cũng như khi nói về Văn đề Kiểm Duyệt. Văn đề Văn Hóa, ông QVK lần này cũng nhắc tới Miền Nam VN trong tình trạng chiến tranh. Qua tình trạng chiến tranh, theo lối nói của ông, là một tình trạng bất bình thường, ông giải thích vấn đề:

— Vấn đề Dân chủ ở VN khác với vấn đề dân chủ ở những nước văn minh khác, như nước Pháp chẳng hạn. Minh cái gì cũng muốn đốt giai đoạn, Phải có từng étape mới được. Nước Pháp đạt được nền Dân chủ như ngày nay là vì họ đã trải qua hàng thế kỷ sau cuộc cách mạng Dân Quyền 1789. Tôi ví dụ một đồng bào sinh sống trong miền đất sơ khai nhất của chúng ta, thấy chúng ta đi máy bay, đề đòi quyền bình đẳng, thực thi Dân Chủ, cũng đòi đi máy bay. Dĩ nhiên sự đòi hỏi ấy là hợp lý. Nhưng thực tế, đồng bào sơ khai ấy chưa quen với máy bay, chưa hưởng thụ được thứ tiện nghi này của văn minh, lên máy bay rồi nôn ọe, sợ hãi.

Tôi biết chắc ông QVK không dùng thí dụ này để chỉ các nhà văn khi muốn đòi tự do viết lách. Ông chỉ muốn nói sự phức tạp trong cách quan niệm hay thực hiện một vấn đề. Như ngày lúc ứng khẩu trước trăm nhà văn nhà thơ, ông nói ông có hai tư cách. Nếu là tư cách QVK, ông đã bỏ ra và ngay trong lúc người chủ trương nhà XB Trình Bày đọc bài diễn văn công kích Sở Kiểm Duyệt. Cũng như trong đời sống ông đã cho biết, là tác giả, ông từng bị kiểm duyệt, nhưng là một nhân viên Chính Phủ, ông thấy cần phải duy trì kiểm duyệt.

(1) Khác với tin KH loan trước đây. 45 người. Hoặc là có hai HĐHV?



những vết buồn đêm NGUYỄN ĐÌNH FIMNON

đêm về cất bước đi hành
dưới chân lá động trên cành chim bay
hai mươi một tuổi lưu đây
thân trong cuộc chiến thích ngày hơn đêm

mây ở miền Tây vui không Sơn
hay cũng như tao ngủ chấp chờn
hay cũng như tao chờ đợi gác
mây ở miền Tây vui không Sơn

nhạc xanh THANH HOÀI MINH

xanh kẻ môi khô—đêm vầy bãi cỏ
năm ngón tay che giấu giọt sương lăn
bóng ngã đầu hiu — gác chuông chờ chực
gọi nắng muộn màng — phiếm nhạc vuốt ve
trái tim worm nồng hời ấm ngất ngây
một lần bừng sáng ngọn nến trắng lửa gầy

nàng chấp tay hướng về cõi thực
tin tưởng vào tượng đá im lặng vạn năng
mang dáng vóc huyền thoại vô biên hồ thẳm
bài thánh ca trong hang màu nhiệm
ngón ngữ thanh thoát đầy hồn người thông khổ
lạc vào môi trường ảo giác tình yêu
mắt tích nẻo luân lưu sóng hạnh phúc nhấp nhô
bên mạn thuyền phấn đấu ruổi rong

chàng vác tảng đá đứng cheo leo trên núi
mong tìm đến viễn đích...
nhưng đã mù khơi đỉnh mây che khuất
nàng ngóng đợi tiếng ngựa gào thét khua vang
tiềm thức
nhưng mưa bụi đã lũ lượt kéo qua mùa đông
gió bất thời một nhòai niềm kiên nhẫn
khoảng thời gian miệt mài chờ đợi đầu chân xa

hoang liêu TÔ NHƯỢC CHÂU

Em về qua ngõ cây xanh
Mây thưa nắng đỏ buồn anh rụng đầy
Lang thang hồn mộng trên cây
Anh trong viễn tượng nhớ ngày thu mưa
Nghe như gió trở sang mùa
Ôi hoang liêu đến bao giờ đó em
Trắng về ngủ với bình nguyên
Trong con viễn mộng anh điên đảo rồi
Bây giờ em cũng mù khơi
Và trắng cũng bỏ anh từ hôm nay.

tôi và chiếc cầu khi đó NHÃ TRÂM

Sao tôi còn yêu mãi chiếc cầu trơ trên chỗ thi hài trắng
hầu của trận đánh hôm qua ?
Sao tôi còn yêu mãi chiếc cầu đưa chuyển xe hoa của
người yêu về nhà chồng làm vợ ?
Sao tôi còn yêu mãi chiếc cầu đã đưa lũ học trò
xuống đường rồi vào nhà tù ?
Sao tôi còn yêu mãi chiếc cầu ngày hai buổi đưa tôi
đến trường ngồi ngủ gục ?
Sao tôi còn yêu mãi chiếc cầu đưa quân thù vào thành
phố giết chết bằng hữu và tình nhân ?
Sao tôi còn yêu mãi chiếc cầu đưa tôi đến trước tòa
án vì tội làm thơ nghi vấn với cuộc đời ?
Sao tôi còn yêu mãi chiếc cầu nằm yên như tôi để
nhìn loài người xuôi ngược ?
Chiếc cầu ơi ! cầu có yêu ta không ?

đủ tình yêu man rợ
Ta sẵn sàng mở suốt cả vòng tim
Cho giọng máu quên đi kỷ vật của đời đã nhiều năm
trong nhiều câu hỏi đó !

nắng THƯƠNG NHẬT HUYỀN

hút phần mặt ngọt no say
đong đưa giọt nắng, lơ bay trên trời
đi qua dưới khoảng tuyết vời
một tay ve vuốt cuộc đời trong nôi.

mắt em xanh biếc mây trôi
anh không mê đắm thấy đời vẫn vui
mơ xa bụi nắng ngậm ngùi
vẫy tay bỏ lại bóng người sau lưng.

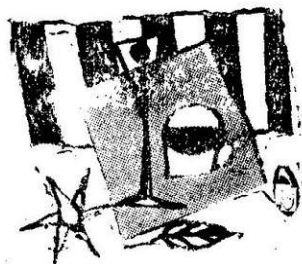
cõi mật mù HOÀI NHÃ LIÊN VÂN

mù dần treo mắt đỉnh cây
tôi bay phơ phất lưng mây vô hình
núi rừng heo hút mặt xanh
nhìn ra phế tích chung quanh cõi người
trái tim chiến địa tìm vui
liệng vào vườn cũ tặng đời điều ngoa
cánh tay trụi lủi gốc già
những ngày củi gục thân ma cuối đường
hai chân nằm mộ vài sương
tôi đi chọn lạnh thiên đường vẫn minh

bài lục bát tháng sáu NGY HỮU

ừ con ngủ, ngủ đi con
hai mươi sáu tuổi còn bon chen gì
đêm hong sương muối xuân thì
tiếng khua xích sắt lần đi về trời
đã quanh hiu, đã rã rời
vũng khuya động xuống nư cười ngu ngơ
mắt sao dài bóng trắng xưa
môi mê hoàng nhớ hương thừa đêm say
tiếp hôm nay, nổi ngày mai
đôi 55 vệt gót giày lang thang
cánh giới môi lối thu vàng
tay gươm sáng lạnh phiếm đàn cung si
nhớ thương hồ trọn chu kỳ
chuyến hành quân đó sầu ly rượu mời
một, hai, ba, bốn... đủ rồi
và riêng tôi với tôi ngồi làm thính

thơ có lửa



HOÀNG NGỌC LIÊN • HY VÂN PHỤ TRÁCH

VIẾT TỪ HẬU PHƯƠNG :

GIỚI - THIỆU :

LÂM MỘNG OANH — YÊN HÀ
— MẠC THANH LAN

Thơ có Lửa kỳ này xin tiếp tục giới thiệu
những sáng tác của các bạn « VIẾT TỪ HẬU
PHƯƠNG ». Mở đầu là : Lâm Mộng Oanh, người
thơ quen tên gần đây trên các tạp chí Quân Đội.
Lần này, tâm sự Lâm Mộng Oanh gửi cho một
người lính chiến đồn xa.

Cầm tay nhau lần cuối,
Thăm gọi cổ nhân ơi.
Rồi muốn tròng xa cách
Hai đứa hai phương trời...

... Giấc sầu neo bết lại.
Mộng ước giờ bay xa
Xin anh lời già biệt
Quên hết chuyện tình ta...

Anh về miền nắng hạn
Làm lính chiến đồn xa
Mùa xuân không đến nữa
Buồn lạnh bước thời gian

Những vần thơ sau đây là tiếng lòng của một
thôn nữ gửi ra tiền tuyến : Yên Hà, người thơ ở
làng quê đã từng chứng kiến đoàn chiến sĩ vừa đến
bảo vệ thôn làng, vừa xây dựng :

Anh là trai miền Bắc,
Em là gái phương Nam
Gặp nhau chiều công tác
Buổi dựng ấp thôn này.

Quê hương mình khói lửa,
Hai mươi năm điêu tàn.

NHẮN TIN

— Trần Hữu Nghiễm Huế. Đã được. Đang xem.
Tuy nhiên việc ấn loát khó khăn đó.

— Trần Hào (Đà Nẵng). Cảm ơn bạn. Sách
của tôi bản đặc biệt đã bán hết. Bản thường còn ở
các hiệu sách Saigon.

— Cô Vương Thị Quý Anh. Xin cứ gửi về
anh Viên Linh, tôi sẽ nhận được.

H.N.L

— HOÀI HUYỀN PHƯƠNG. — Vẫn thường
trực ở Khởi Hành. Bạn lắm không thể thư riêng
cho em được. Cứ thư về cho anh. Chúc em vui
sáng tác mạnh. (DTLA)

— Cần liên lạc gấp với Nguyễn Bạch Dương-
Phù Sa Lộc - Hứa Xuân Viên cùng một số bằng
hữu. Thư về : Yên Bằng, 172 Đỗ thành Nhân
Khánh Hội — Saigon.

<https://tieulyn.hopto.org>

FRANÇOISE
MALLET-JORIS



KẺ TIÊN TRI XU' LIBAN

Khởi từ bảy bài thơ thần thoại Mo' allakat (hay Mu' allagat) « treo trên » tường đền thờ ở La Mekke, sự thành công của thi ca Ả Rập cho tới nay vẫn tiếp tục là một « làng số của lịch sử văn hóa Trung Đông ».

Đỉnh cao nhất của thi ca Ả Rập cổ điển là Motanabbi (hay Mutanabbi) (905—965). Motanabbi đánh dấu một khúc quanh của thi ca Ả Rập, đồng thời là một bước Khởi Hành — La Nahda — dài nhất đưa tới thời tân cổ điển.

« Tôi không tôn vinh tổ tiên nữa, tôi tôn vinh chính tôi. »

Nhưng bình minh Motanabbi báo hiệu vụt tắt và trong suốt chín thế kỷ liên tiếp, khi Ả Rập trải qua những giao động dữ dội về chính trị và xã hội, thi ca Ả Rập mất hết đà sáng tạo, chìm vào đêm tối và ngủ yên trong những cuốn hợp tuyển mãi cho đến giữa thế kỷ XIX, Nasir Yaziji (1800-1871) mới tiếp nối được hơi thở của Motanabbi. Và kể từ hơn một thế kỷ nay, lịch sử thi ca Ả Rập đã trải qua hai thế hệ văn học lớn :

Từ giữa thế kỷ XIX đến 1914, thời kỳ văn học Ả Rập tiếp nhận ảnh hưởng Âu Châu, đặc biệt ảnh hưởng của Pháp. Hầu hết tác phẩm của Lamartine, Chateaubriand, Victor Hugo được dịch sang tiếng Ả Rập, sau Corneille và Shakespeare. Trong thời kỳ này, thi ca đòi hỏi một cách chậm chạp và lưỡng lự giữa chủ trương trở về với thi ca Ả Rập Trung Cổ, thi ca Irak và Andalousie và chủ trương sáng tạo. Đó là thời kỳ của

(1) André Miquel, *Poésie Arabe d'hier et d'aujourd'hui*, Critique, No. 255-250, p. 753.

(2) Dominique Sourdel, *Histoire générale des Littératures*, t. III, Aristide Quillet, 1961.

Người đầu tiên giới thiệu Jabra Khalil Jabran ở Việt Nam là cô Trùng Dương, trên Văn số Giáng Sinh năm kia với tên quen thuộc ở Hoa Kỳ Kahlil Gibran, sau đó là Cô Phạm Bích Thủy qua bản dịch Một Khái (The Srophat).

Sami Baroudi (1839-1904), thi sĩ ái quốc, Isma'il Sabri (1855-1923) tín đồ của Lamartine.

Tất cả sức sống của thế hệ này được nuôi dưỡng bởi hai tác giả trẻ tuổi và táo bạo nhất là Hafiz Ibrahim dịch giả « Những kẻ khốn cùng » của Victor Hugo, người được xưng tụng là « Thi sĩ của sông Nil » và nhất là Ahmad Chaouki (1868—1932) « hoàng tử của những thi sĩ ».

Thế hệ thứ hai từ 1915—1945, la Nahda tiếp tục, nhưng trong thời kỳ này, thi ca Ả Rập mở ra đón nhận ảnh hưởng của Tây Bán Cầu nhiều hơn và đổi mới hoàn toàn, bằng cách mô phỏng những kỹ thuật tây phương: thơ xuôi, thơ tự do, và khám phá ra nhiều thể tài mới. Thi sĩ nổi tiếng nhất là Abou Châd

(1892—1933), sáng lập tạp chí Apollo. Đứng đầu trường Syrie — Hoa Kỳ là Amin Raihani (1879—1940), thi sĩ, tư tưởng gia, cố gắng sáng tác theo đường lối của Whitman. Nhưng nghệ sĩ độc đáo nhất của trường này cũng như của thế hệ thi ca này là Jabra Khalil Jabran (1883—1931). Jabran là một nghệ sĩ hoàn hảo. Ông là tiểu thuyết gia, thi sĩ và đồng thời họa sĩ. Thi tập « Nước Mút và Nụ cười » (Dama' a wabtisama) năm 1914 khiến tên tuổi ông chói sáng. Ông viết bằng cả tiếng Ả Rập lẫn Anh Ngữ. Ông định cư tại New York sau khi lang thang ở Paris và Boston. Tinh thần Jabran là tinh thần nổi loạn, tự do, ông thường bị hiểu lầm và xuyên tạc. Luôn luôn cảm thấy « xa lạ với chính mình », ông sống đời sống của một kẻ bị « lưu đày trong thế giới này ».

Ảnh hưởng mãnh liệt của Nietzsche đối với Jabran có thể thấy rõ trong những cung bậc lồng lộn hận thù trong « Giọng Tổ » (al — Awasif) năm 1920 và trong bút Pháp của thánh thư « al-kor'an » ông sáng tạo ra đề bài tỏ thông điệp mà ông tin rằng mình có nhiệm vụ phải giao truyền : một minh triết huyền bí nhằm hòa giải người Ky Tô giáo và Hồi Giáo (2). Như Tagore, Jabran chỉ đề cao một thứ đạo : đạo làm người; chỉ công nhận một Thượng Đế : Thượng Đế trong tất cả mọi người. Và nếu có gì phải đề cao, thì đó chính là Cuộc Đời. Cuộc Đời rực rỡ và vĩnh cửu trong từng giây phút. Và Tình Yêu, Cái Đẹp, tình Huynh Đệ giữa con người.

Jabran Khalil Jabran nối tiếp truyền thống những thi ca Ả Rập tự

ngân xưa : là thi sĩ là một kẻ tiên tri, một káhin hay thần nhân phụng sự bộ lạc và sau đó dân tộc, nhân loại :

« Ta đến để nói một lời và ta sắp nói đây. »

Nhưng nếu cái chết ngăn cản ta. Ngày Mai sẽ nói lên những lời ấy, vì Ngày Mai không bao giờ để khiến khuyết một bí ẩn nào trong sách vĩnh cửu. Ta đến để sống trong Vinh Quang của Tình Yêu và Ánh Sáng của Cái Đẹp là những phản ảnh của Thượng Đế. Ta đang sống và chẳng thể bị trục xuất khỏi lãnh vực của đời sống, vì qua những đời sống của ta, ta sẽ sống cả trong cái chết.

Ta đến đây cho tất cả và với tất cả, những gì hôm nay ta làm trong cô đơn Ngày Mai sẽ có muôn kẻ hồi âm.

Những gì bây giờ ta nói từ một tâm hồn Ngày Mai sẽ được vọng lại bởi muôn tâm hồn. »

Vì minh triết và tinh cách thơ mộng của nó, tác phẩm « Kẻ Tiên Tri, (The Prophet) của ông đã trở thành một cuốn sách gối đầu giường cho nhiều thế hệ thanh niên hiện đại như cuốn Câu Chuyện Dòng Sông (Siddharta) của Hermann Hesse thuở nào.

« Kẻ Tiên Tri », ngoài minh triết và huyền học Ả Rập, còn bằng bạc khí thể kiên dũng uy nghi của « Also sprach Zarathustra » của Nietzsche, vẻ đơn giản thâm trầm của « The First and Last Freedom » của Krishnamurti, ôn nhu từ ái của The Gardener của Tagore.

« Kẻ Tiên Tri » của Jabra Khalil Jabran là kẻ tiên tri dịu dàng đầu tiên của lịch sử nhân loại.

Hãy nghe Almistapha, kẻ tiên tri của Jabran nói về đời người :

VỀ NỖI VUI BUỒN

Rồi một người đàn bà thưa : Xin hãy nói về nỗi thấy thực ra các người đang khóc lóc điều đã từng là Buồn Vui. Và người đáp :

Niềm vui các người là nỗi buồn lộ diện.

Và trong cùng một giếng khơi nơi trời tiếng các người những kẻ khác lại bảo : « Không, Buồn này cao cả hơn Vui ». lại thường là nơi thánh thoát lệ nhân gian.

Có khác thế được chăng ?

Nỗi buồn càng khắc sâu vào con người các người, bao nhiêu, thì niềm vui các người chứa đựng càng đầy bấy nhiêu.

Há chẳng phải chén đựng rượu nho các người chẳng phải là cái chén đã bị nung trong lò gốm đó sao ?

Và há chẳng phải đàn tỳ bà xoa dịu tâm hồn các người chẳng phải khuôn gỗ đã bị khoét ư ?

Khi sung sướng, hãy nhìn sâu vào lòng mình và người sẽ thấy đó chỉ là điều đã gieo buồn rầu nay đem sung sướng lại cho các người.

Khi buồn rầu lại nhìn vào lòng mình, và các người sẽ xuống đây.

Có vài người nói : « Vui kia cao cả hơn Buồn », nhưng những kẻ khác lại bảo : « Không, Buồn này cao cả hơn Vui ».

Nhưng ta nói cùng các người, hai điều ấy chẳng thể phân ly.

Chúng cùng đến, và khi điều này ngồi riêng với các người nơi bàn ăn, hãy nhớ rằng điều kia đang say ngủ trên giường các người.

Quả thực các người bị treo tựa những đĩa cân giữa Vui Buồn.

Chỉ khi thành trống không các người mới đứng lặng và cân bằng.

Khi kẻ giữ kho báu nhắc các người lên đề cân vàng bạc hân, thì Buồn Vui các người buộc phải lên hay là

KHỞI HÀNH số 13 ra ngày Thứ Năm 24-7-1969

CHÂN THÀNH CẢM TẠ
ÔNG GIÁM ĐỐC

NHÀ HÀNG HẢI - ĐĂNG

SỐ 4, ĐƯỜNG PHƯƠNG-CẦU

NHA-TRANG

HÃNG NƯỚC ĐÁ

TRƯỜNG - GIANG

GẦN CHỢ CẦU MỚI
QUỐC-LỘ 1

NHA-TRANG

TRẦN - XƯƠNG - NAM

hiệu TRẦN-MINH-LỢI

41 TRẦN-QUÍ-GÁP

NHA-TRANG

PHAN GIAI-KY

Import of Cement
Building Materials
Swallow's nests Exploitation
Shipping Agents

Nhập-Cảng Xi-Măng
Vật-Liêu Kiến-Trúc
Khai-Thác Yến-Sào
Đại Lý Hàng Hải Thương Thuyền
Kiểm Vợt Hàng

Address: 39, Phan-Bội-Châu
NHA TRANG, VIET NAM
Telephon: 2170 P.O. Box: 49
Cable Address:
GIAIKY NHA TRANG

Địa chỉ: 39, Phan-Bội-Châu
NHA TRANG, VIET NAM
Đ. T.: 2170 Hộp Thờ: 49
Điện tín: GIAIKY NHA TRANG

LẠC-CẢNH

QUÁN SỐ 2 DUY-TÂN

NHA-TRANG



NHÀ THÀU

NGUYỄN-THI-ĐÀO

LÒ BÁNH MÌ ĐIỆN

THÔNG-KÝ

86 HOÀNG TỬ CẢNH

NHA-TRANG

27 - 27A ĐỘC LẬP

NHA-TRANG

CA DAO ĐÃ PHÁT HÀNH:

● **TÌNH SÀU CỦA CHÀNG WERTHER**

của Goethe — **CHƠN HẠNH** dịch

● **KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU**

của Alan Paton ● **NGUYỄN HIẾN LÊ** dịch

■ **KRISHNAMURTI VÀ CON NGƯỜI TOÀN DIỆN**

của Carlo Suares — **VŨ ĐÌNH LƯU** dịch



HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Tiếp theo trang 8)

một cú giao lại, cứ thế đối đáp... Có lui, có tới, có tấn công, có đỡ gạt, có tránh, có né v.v... Còn đòi gì nữa: thế là hoạt động. Hoạt động này có thể không phải là một công việc có kết quả cụ thể, đây cốt truyện tiến tới một bước: chẳng hạn như hoạt động của Nhạc Bát Quân khi hạ sát Đồng Phương Bất Bại, của Lệnh Hồ Xung khi nghiêng mình đón mũi kiếm Nhạc Linh San v.v... So với các công việc thực sự, cách hành động thì sự hoạt động trong cuộc chuyện trò như thế trong văn bài, văn cò: phát sinh ra rồi tự xóa đi, náo nhiệt mà không lưu vết tích thành quả gì, dồn dập mà vô bổ.

Đọc đoạn truyện có đàm thoại, độc giả thoát được cái cảm tưởng nặng nề phải đối diện mãi mãi với một tác giả nói luôn mồm.

Đọc đoạn truyện có lối đàm thoại đông dài như trong tân văn tiểu thuyết hiện nay, quần chúng độc giả có cảm tưởng gần với sinh hoạt thực tại, sờ nắm thực tại, như đi vào tác phẩm văn nghệ mà vẫn không phải rời xa cuộc sống thực hàng ngày của họ. Nghệ phẩm không mô tả thực tại, mà rước hẳn cảnh sinh hoạt thực vào. Người độc giả bình dân nhất cũng không bị ngỡ ngàng: trong nghệ phẩm họ vẫn gặp lại cái quen thuộc ngoài đời.

CHÚNG ta đã nói đến địa vị thượng đỉnh của đàm thoại trong tân văn tiểu thuyết hiện tại ở đây, tức Miền Nam Việt Nam. Tại sao lại Miền Nam?

Đặc điểm ấy xuất hiện ở Sài Gòn mà không phải ở Miền Trung hay Miền Bắc, xuất hiện đầu

tiên ở một tác giả người Nam—Lê Xuyên—có lẽ việc đó cũng có ý nghĩa của nó. Nó phản ánh cái tính tình cởi mở, hoạt bát, mau mắn của người Việt Miền Nam, cái không khí linh động rộn rịp vốn là đặc tính của tác phẩm văn nghệ Miền Nam từ trước đến nay (2).

Cái tính địa phương, gặp hoàn cảnh thuận lợi đã phát triển nhanh chóng để đáp ứng sự đòi hỏi của một giai đoạn văn học. Nó đang tỏa rộng ảnh hưởng. Và như vậy là phải. Văn học nước nhà giai đoạn này chắc sẽ ghi dấu sâu đậm vài nét độc đáo của ảnh hưởng ấy: *miền Nam*, và *nhật trình*. Chúng ta đang sáng tác trong thời kỳ mà thủ đô văn hóa đặt ở Saigon, và Saigon lại là đô thị thuộc hạng nhiều nhật trình nhất thế giới.

Chúng ta hãy lo phần chúng ta; mặc kệ ông Henry Green lo tìm cách giải thích cho hiện tượng ông ta nêu ra.

(2) Võ Phiến, Tạp bút 1, Thời mới xuất bản 1965, trang 37—54

người cày có ruộng
người viết báo có báo

DUYỄN ANH ra báo

TUỔI NGỌC

TUẦN BÁO CỦA YÊU THƯƠNG

với một số những người viết hay, giá trị nhất hiện nay

Mai Thảo — Nhật Tiến — Viên Linh — Hoàng Hải Thủy — Thanh Nam — Hoàng Anh Tuấn — Thái Thanh — Hoài Bắc — Thanh Tâm Tuyền — Nguyễn Đình Toàn — Cung Tích Biền — Minh Đăng Khánh — Túy Hồng — Nguyễn Xuân Hoàng — Doãn Quốc Sĩ — Tạ Quang Khôi — Lan Đình — Phạm Lê Phan — Huy Tường — Duy Thanh — Ngọc Dũng — Đinh Tiến Luyện — Từ Kế Tường — Cao Thế Dung — Nguyễn Thụy Long — Lê Tất Điều — Dương Hùng Cường — Nguyễn Mạnh Côn — Duyệt Anh

Ngợi ca **TÌNH YÊU, TUỔI THƠ**, Quê **HƯƠNG**
TUỔI NGỌC Số lên **MỘT** phát hành ngày Thứ Sáu 18-7-1969

NHÀ BUÔN ĐỒ GỖ

HUỲNH HỮU

4, Phước-Hải

NHA-TRANG

CENTRAL SUPPLY-CAR AND HOUSE FOR RENT

Head office: 10, Phan-bội-Châu — **NHA-TRANG**
Tel: 2.326

TÔN-THẤT-TÂN

Nhà Thầu — Địa ốc
GENERAL MANAGER

ETS ĐỒNG NHƠN

TÔN-THẤT-TOÀN

59, Phan-bội-Châu

NHA-TRANG

NHÀ BUÔN

ÍCH MẬU

2 C, Trưng-Nữ-Vương

NHA-TRANG

Ô. BÙI-DƯA
CHỦ-NHÂN

● **CHUYÊN CUNG CẤP THỰC PHẨM**
VÀ RAU TƯƠI CHO CÁC CƠ QUAN
CHÍNH QUYỀN VÀ QUÂN ĐỘI

51, Sinh-Trung

NHA-TRANG

NHÀ THUỐC

ĐẠI-DƯỢC-PHÒNG

10, Độc-Lập

NHA-TRANG

D U Ớ I một vòm trời Âu Châu kín đặc sương mù, những ngọn cỏ đồi là lay thân nhiên ngó xuống những tàu đồ nghiêng. Cái đầu máy bóng loáng còn phi phà thờ khổi. Đường về nước Đức dài thăm, chưa tới. Phải đi nữa. Phải chờ bằng được những họa phẩm vô giá ấy đi nữa. Qua những sân ga. Qua những biển thùy. Nhưng trên một đường rầy đứt rời, những bánh sắt đã trật. Và, cùng với lũ toa tàu từ thương những thùng gỗ chứa đựng những diễm lệ tuyệt vời năm đó, ngồn ngang giữa cỏ đồng. Riêng loại người siêu việt như tao mới có quyền làm chủ cái đẹp. Những họa phẩm bất hủ này, vì tao mà có, với tao mà còn, chúng thuộc về tao, vĩnh viễn. Những tên thợ máy ngu xuẩn, tên thợ máy suốt mấy đêm ngày đuổi theo cướp lại những họa phẩm như cướp lại chính đời sống của mình, tên thợ máy hoàn toàn xa lạ và tối đặc trước mọi giá trị siêu việt của những cõi đẹp thần thánh, tên thợ máy trọn đời chưa từng đặt chân tới một phòng tranh nào, đã nổ súng. Viên đại tá Đức ngã xuống. Vết chết mà không tài nào hiểu được. Kỳ dị và lạ lùng thay là trường hợp những tên thợ máy vô học giết hy sinh đời mình cho những bức tranh.

Đó là cảnh cuối cùng của bộ phim Le train. Thợ máy Jean Labiche ném súng, bỏ đi. Những bức tranh với y, như với những đồng chí y đã bỏ mình, vẫn vô giá trị, như cũ. Lời kết tội của kẻ thù có đúng một phần nào. Labiche không tìm được trả lời. Có phải là người ta đã sống đã chết cho những đam mê cùng độ. Và có phải là người ta còn sống, còn chết cho cả những điều không bao giờ biết tới.

C A U trả lời là không khí, cỏ, hoa, ánh sáng, những giòng sông huyền ảo dưới trăng, phiến trời trên đầu xanh biếc, tiếng chim vui từng buổi sáng trên cành, núi cao từng ngọn mây, biển lần tới chân trời, thước đường trên hè phố, chỗ ẩn dưới mái hiên, nhân loại này và thế giới này,

cái vườn và vườn triệu ấy là một gia tài chung, tôi không thể chiếm đoạt, dấu nhân danh bất cứ lẽ phải nào.

Gã thợ máy đứng cảm vô học giết chết cho những bức tranh với y không một giá trị nhỏ, viên đại tá kiên hãnh nhân danh một chiếm đoạt hợp lý bằng nhân danh một loại người siêu đẳng làm tôi nhớ lại một cuốn phim khác, xem đã lâu hồi còn ở ngoài Hà Nội. Đó là phim La Corde của Hitchcock. Trên cái công trình của nghệt thờ và án mạng dị thường này, tôi ác và kỳ thị mang hình ảnh một sợi dây thừng thắt cổ. Chuyện La Corde như thế này. Ba chàng thanh niên nọ chung sống với nhau. Họ là ba người bạn chí thiết. Cùng một tuổi. Cùng có như nhau một cơ hội vào đời. Cùng đồng đều nhau cái quyền được sống. Vòm trời bằng hữu ấy trong vắt. Bỗng một buổi kia, một trong ba gã thanh niên nhìn bạn, chợt thấy thẳng bạn thân chỉ là cái hình thù hèn mọn ấy của một thứ người—vật tầm thường. Một con sâu. Một cái kiến. Mang tay chân và mặt mũi người, nhưng thẳng bạn khác ta, thẳng bạn chí là hiện thân nhột nhật của một loại người hạ đẳng. Nó sống cỏ cây, không tham vọng. Nó mù lòa trước cái đẹp, tối tăm trước cái lớn. Tàng tạt và bất toàn, không có trời xanh bát ngát trong thân, thiếu vắng mặt trời nguy nga trước ngực, nó chỉ là cái biểu tượng đáng hổ thẹn và đáng phẫn nộ nhất về người. Con kiến đội lốt vì thế phải chết. Phải hủy diệt cho tuyệt chủng những cỏ cây và sâu kiến trá hình. Không khí, mặt trời, những căn phòng trắng lẹ, những con đường bóng cây, những nắng vàng trên cỏ, sao hằng hà những đêm mùa hạ, rừng hoa lộng lẫy những mùa xuân đẹp, cuộc sống nhưng lụa, xa lộ, nhà chọc trời, kinh điển quý và bảo tàng viện, những lạc thú và tiện nghi muôn nghìn ấy, trái đất này và nhân loại này phải là tư hữu độc quyền của loại người siêu đẳng như ta. Đề mừng ngày sinh nhật của mình, mừng cho y như mừng cho những mẫu người siêu đẳng ra đời—là những kẻ duy nhất có quyền được sống—gã thanh niên đoạt quyền thượng đế đã lạnh lùng thắt cổ người bạn

tầm thường hèn mọn của y, không cho phép bạn được chung một bầu trời, thờ cùng không khí

S A U triệu người Do Thái chết trong những trại tập trung và trong những phòng hơi ngạt, thật Do Thái làm phân bón cho đồng ruộng siêu đẳng, đa Do Thái dùng làm sức tay, tóc Do Thái dùng làm chỉ may, cái giấy thường hân hoan khùng khiếp của gã thanh niên tự phong cho y cái quyền phép tối thượng của loại người siêu đẳng, nhắc nhở cho chúng ta rằng trên thế giới và đất nước này vẫn còn nhiều lắm những kẻ kiêu hãnh hèn mọn đòi chiếm riêng những vì sao và những mặt trời. Chúng tưởng chúng là núi. Núi khốn nạn muốn ta quỳ gối. Chúng tưởng chúng là biển. Biển ngồng cuồng muốn nuốt phải chết. Lịch sử ta và quá khứ ta, chúng đòi chiếm hết. Những ngày mai hát ca, riêng chúng được độc quyền. Luật của người biến thành luật rừng. Chúng ngấm ta như kiến, nhìn ta như cỏ, và kỳ thị không cần từ khác biệt một màu da, kỳ thị đã trong máu trong xương những kẻ chỉ có năm ngón tay thôi, nhưng năm ngón tay đòi che hết mặt trời.

Tôi muốn nghĩ, muốn tin rằng những kẻ mang trên mình hàng triệu thứ nhân danh, rồi cũng nằm xấp trên cỏ đồng, bên những bức tranh kia là kho tàng chung mà không bao giờ là của riêng y, như viên đại tá trong bộ phim kể chuyện một chuyến tàu không bao giờ tới bến. Đường về nước Đức xa thăm. Phải qua những sân ga. Phải vượt những biển thùy. Mà không thể tới. Không bao giờ tới được. Thượng Đế xa người Thượng Đế cũng chết. Gã thợ máy tầm thường có thể trả lời cho cái mẫu người siêu đẳng cao lớn đứng trước mặt y như vậy. Và phát súng bắn vào giữa ngực kẻ đòi chiếm đoạt những gia tài chung của toàn thể nhân gian cuối cùng là luồng gió tự nhiên và tất yếu của đời sống phá hủy đi cái luật rừng hung dữ kia để trên cỏ rừng và nắng mùa thu vẫn còn được ngủ yên những con nai hiền hậu.

giữa



tòa soạn
và bạn đọc

tiếp theo trang 3

Anh HOÀI LINH QUẢNG (Bà Rịa).—Đã mở rộng chỗ dành cho những người viết mới. Riêng quảng cáo không thể dồn vào 1 trang được. Cảm ơn nhận xét của anh về tờ báo. Thơ anh đã chuyển sang mục Thơ Có Lửa.

Cô HÂN DỊ NGỌC (Long An).—Tại sao lại có thể biết trước thơ cô sẽ bị 'vứt vào sọt rác' nhỉ? Vàng,

bản cũng là nhà binh, nhưng là binh hai, chứ không phải cái cấp bậc mà cô gần ngang xương. Vàng, thơ không bán được. Cô có thể viết mọi đề tài, không có cái gì kiêng kị hết. Cảm ơn lá thư nhé. Tuần này tôi nhận được 2 bản chép bài thơ 'Nỗi Buồn Số 1', chắc cô chép hộ ông G.H?

Anh TRẦN THUẬT NGŨ (QN).—Sẽ đăng thơ anh. Cứ gửi tiếp. Không biết ở ngoài ấy KH có phát hành đều đặn không? Cảm tạ về những lời trong thư.

TÔ NHƯỘC CHÂU (Vinh Bình).—KH luôn mong mỗi được đăng bài của các bạn ở xa gửi về. Sẽ nghiên cứu đề nghị tăng trang đó. Đã mở thêm trang cho những người viết trẻ. Đọc thư vui chứ có gì mà cảm phiền.

Anh THỂ TỬ NGUYỄN (Ben Hét).—Khi số báo này đến tay chắc anh đã bớt mệt nhọc. Trần Ben Hét đã kết thúc? Năm Xích Long gửi lời hỏi thăm. Đang nghiên cứu đề nghị

mở mục mới của anh, tuy nhiên e ngại không hợp với tờ báo này. Đã chuyển thư của anh sang mục Thơ Có Lửa.

TÔ ĐÌNH SỰ.—Đã chuyển lời hỏi thăm tới Cung Tích Biền và Ng. Hữu Nhật.

Anh THẠCH LĂNG VƯƠNG.—Thơ anh sẽ đăng. Chúc khỏe mạnh, làm việc tốt.

Bạn THÁI HỮU DI (VT).—Toà Soạn KH. Thành thật cảm ơn lá thư của bạn.

HỒ THANH LIÊM (Thốt Nốt).—Toà Soạn còn mấy số báo mà cháu thiếu. Gửi tem về (trị giá theo số báo cần mua cộng thêm bưu phí) cháu sẽ nhận được báo. Sẽ chuyển lời hỏi thăm của cháu tới nhà văn Võ Phiến người giữ mục Nhìn vào Văn chương. Cứ việc viết thư về tòa soạn. Đã chuyển thơ cháu sang mục Thơ Có Lửa.

Ngoài ra KH còn nhận được bài vở của các bạn sau đây:

Trần Hữu Tâm Phương — Yên Phương Thành — Ng. Uyên Uyên — Kiều Phương Thu — Thy Hoài Nhân — Mặc Vũ — Trần Khánh Thượng — Ng Thành Long — Trương Du — Phan Thảo Vy — Nguyễn Tấn Sỹ — Uyên Chân Vũ — Phạm Quang Huệ — Trần Hữu Nghiễm — Lê V Trung — Hoàng Ý — Hà Văn Uyên — Trần Yên Hòa.

NHÂN TIN

— Anh NGUYỄN NGUYỄN PHƯƠNG. Sau 'Nhạc Vàng' đã đăng chưa thấy anh gửi cho cái gì mới. Rất mong bài anh.

— Anh PHẠM HỮU CHÍNH KBC 3042

— Anh NGUYỄN VĂN MỚI KBC 3954

Đã gửi báo theo lời yêu cầu của các anh ngày 10-7-69.